

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2918 /CSVN-QLKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 9 năm 2024

**HỘI THI BÀN TAY VÀNG
THU HOẠCH MỦ CAO SU NĂM 2024**

V/v ban hành bộ đề thi lý thuyết tiếng Lào.

Kính gửi : Các đơn vị tham gia Hội thi Bàn tay vàng Thu hoạch mủ
cao su Năm 2024 tại Lào

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (Tập đoàn) đã ban hành bộ đề thi Lý thuyết trong văn bản số 2328/CSVN-QLKT ngày 01/8/2024, gồm 80 câu hỏi về quản lý, chăm sóc và thu hoạch trên vườn cây cao su kinh doanh;

Tiếp theo đó, Ban Tổ chức Hội thi cũng đã có văn bản 2726/CSVN-QLKT ngày 05/9/2024 gửi Văn phòng đại diện VRG tại Lào rà soát nội dung biên dịch bộ đề lý thuyết sang tiếng Lào;

Qua công văn này, Tập đoàn ban hành chính thức bộ đề lý thuyết sử dụng trong Hội thi Bàn tay vàng thu hoạch mủ cao su năm 2024 dành cho thí sinh tham gia sử dụng ngôn ngữ Lào (đính kèm).

Lưu ý:

(1) Ngoài phần chọn ngẫu nhiên trong bộ đề 2024 để đưa vào đề thi lý thuyết của Hội thi, Ban Giám khảo sẽ có thêm 1-2 câu hỏi mở (cũng ở dạng trắc nghiệm) cập nhật kiến thức sản xuất có liên quan đến lĩnh vực thu hoạch mủ;

(2) Đơn vị tự ôn luyện cho công nhân các quy ước ký hiệu lỗi vi phạm kỹ thuật cao được quy định trong Quy trình Kỹ thuật dưới đây:

- Sát		- Miệng cạo gọn sóng	W
- Phạm nhẹ	^	- Miệng cạo lệch	>
- Phạm nặng	A	- Không vuông góc	L
- Cạn nhẹ	V	- Vệ sinh kém	△
- Cạn nặng	∇	- Cây bỏ cạo	⊗
- Mỏng dăm	⊖	- Tận thu kém	▽
- Dày dăm nhẹ	—	- Trang bị, chăm sóc cây cạo kém	⊕
- Dày dăm nặng	—x—	- Vi phạm cường độ cạo	⋈

Đề nghị các đơn vị tham gia Hội thi Bàn tay vàng có thí sinh người Lào triển khai thông báo đến công nhân để chuẩn bị kiến thức lý thuyết tham gia Hội thi.

Trân trọng./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT TĐ 'đề b/c';
- TGĐ TĐ 'đề b/c';
- BTC Hội thi 'để biết';
- Lưu: VT, QLKT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**
**TẬP ĐOÀN
CÔNG NGHIỆP
CAO SU
VIỆT NAM**
CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH
Phạm Hải Dương
TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC HỘI THI

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Bộ đề thi lý thuyết năm 2024 (80 câu)

ການສອບເສັງທິດສະດີສໍາລັບປີ 2024 (80 ຄໍາຖາມ)

(dinh kèm công văn số 2918 /CSVN-QLKT ngày 23/9/2024)

(ຄັດຕິດເອກະສານເລກທີ: /ຢພລວນ-ຄຄຕນ / 9/2024)

Câu hỏi 01: Tiêu chuẩn vườn cao su bình thường được đưa vào cạo mủ:

- Cây cao su đạt tiêu chuẩn mở cạo gồm vanh thân đạt từ 50 cm trở lên, có độ dày vỏ từ 6 mm trở lên khi đo ở độ cao 1,0 m cách mặt đất.
- Lô cao su kiến thiết cơ bản có từ 50% trở lên số cây đạt tiêu chuẩn mở cạo.
- Vườn cây có trên 90% số cây đủ tiêu chuẩn mở cạo thì mở toàn bộ cây có vanh thân đạt từ 40 cm trở lên còn lại trong vườn.
- Cả 03 câu trên đều đúng.

1. ມາດຖານຂອງສວນຢາງທີ່ສາມາດເກັບກູ້ກິດຢາງໄດ້:

ກ. ກົກທີ່ໄດ້ມາດຖານລວງຮອບແຕ່ 50 ເຊັ່ນ ຂຶ້ນໄປ ແລະ ຄວາມໜາຂອງເບືອກໃນລະດັບ ຄວາມສູງຈາກໜ້າດິນ 1ແມັດ ຂຶ້ນໄປ ແມ່ນໃຫ້ໄດ້ 6 ມມ ຂຶ້ນໄປ.

ຂ. ໃນລອກຢາງຕ້ອງມີກົກທີ່ໄດ້ມາດຖານ 50% ຂຶ້ນໄປ ຈຶ່ງສາມາດເກັບກູ້ໄດ້

ຄ. ລອກທີ່ມີຈຳນວນຕົ້ນ ໄດ້ມາດຖານກວ່າ 90% ແມ່ນສາມາດເປີດກິດ ຕົ້ນມີລວງຮອບແຕ່ 40cm ຂຶ້ນໄປໃນສວນ.

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 02: Ý nghĩa của ký hiệu bảng cạo HO-4?

- Chữ H là ký hiệu bảng cạo cao (cạo úp).
- Chữ O là ký hiệu vỏ nguyên sinh.
- Số 4 là bảng cạo thứ 4 quy hoạch.
- Cả 03 câu trên đều đúng.

2. ຄວາມໝາຍສັນຍາລັກຂອງກະດານໜ້າກິດ HO-4 ແມ່ນຫຍັງ

ກ. ໂຕ H ແມ່ນສັນຍາລັກກະດານກິດສູງ(ປາກກິດຂ້ວາມ)

ຂ. ໂຕ O ແມ່ນ ສັນຍາລັກເບືອກເດີມ

ຄ. ເລກ 4 ແມ່ນກະດານກິດທີ 4 ທີ່ໄດ້ກຳນົດໄວ້

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 03: Ý nghĩa của ký hiệu bảng cạo BO-2?

- a. Cạo trên mặt cạo thấp (cạo ngựa), vỏ nguyên sinh, bảng cạo thứ 2.
- b. Cạo trên mặt cạo cao, vỏ nguyên sinh, bảng cạo thứ 2.
- c. Cạo trên mặt cạo thấp (cạo ngựa), vỏ nguyên sinh, năm cạo thứ 2.
- d. Cạo trên mặt cạo cao, vỏ tái sinh, bảng cạo thứ 2.

3. ຄວາມໝາຍສັນຍາລັກຂອງກະດານໜ້າກົດ BO-2 ແມ່ນຫຍັງ

- ກ. ກົດຢູ່ເທິງໜ້າກົດຕໍ່າ, ເປືອກເດີມກະດານກົດທີ 2
- ຂ. ກົດຢູ່ເທິງໜ້າກົດສູງ, ເປືອກເດີມ ໜ້າກົດທີ 2
- ຄ ກົດຢູ່ເທິງໜ້າກົດຕໍ່າ, ເປືອກເດີມປີກົດທີ 2
- ງ. ກົດຢູ່ເທິງໜ້າກົດສູງ, ເປືອກເກີດໃໝ່ກະດານກົດທີ 2

Câu hỏi 04: Trong lớp vỏ của cây cao su, số lượng ống mủ tập trung nhiều nhất ở đâu?

- a. Lớp da me (biểu bì).
- b. Lớp da cát.
- c. Lớp da lua (vỏ mềm).
- d. Tượng tầng.

4. ໃນເປືອກຂອງກົກຢາງຈຳນວນທີ່ນ້ຳຢາງມີຫຼາຍທີ່ສຸດຢູ່ຊັ້ນໃດ

- ກ. ຊັ້ນ ເປືອກນອກ
- ຂ. ຊັ້ນ ໜັງຊາຍ
- ຄ. ຊັ້ນໜັງອ່ອນ
- ງ. ຊັ້ນນ້ຳລຳລຽງ

Câu hỏi 05: Các yếu tố nào sau đây tác động đến dòng chảy mủ trên đường miệng cạo của cây cao su?

- a. Chênh lệch áp suất, sự bốc hơi nước, yếu tố gió và độ ẩm môi trường.
- b. Hàm lượng cao su trong mủ, khả năng huy động mủ.
- c. Yếu tố giống, kỹ thuật cạo và chế độ sử dụng kích thích mủ.
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

5. ດ້ວຍສາຍເຫດໃດທີ່ພາໃຫ້ ຜົນກະທົບເຖິງການໄຫຼຂອງນ້ຳຢາງຢູ່ປາກກົດຂອງກົກຢາງ

- ກ. ຄວາມດັນ, ມີການລະເຫີຍອາຍນ້ຳ, ປັດໄຈລົມພັດຜ່ານ ແລະ ຄວາມຊຸມຊື່ນຂອງສິ່ງແວດລ້ອມ
- ຂ. ຄວາມເຂັ້ມຊຸ່ນຂອງນ້ຳຢາງ, ຄວາມສາມາດເລັ່ງນ້ຳຢາງ

ຄ. ປັດໄຈແນວພັນ, ເຕັກນິກ ແລະ ລະບົບນຳໃຊ້ສານເລັ່ງ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 6: Chế độ cạo là gì?

- a. Là số ngày cạo thực sự trong năm.
- b. Là cơ sở tính chi phí cạo mủ cho công nhân cạo mủ.
- c. Là quy định kết hợp áp dụng chiều dài miêng cạo, nhịp độ cạo và sử dụng chất kích thích mủ.
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

6. ລະບົບການກົດແມ່ນຫຍັງ ?

ກ. ແມ່ນຈຳນວນວັນກົດໃນປີ

ຂ. ເປັນພື້ນຖານໃນການຄ່າແຮງງານໃຫ້ກ/ກກົດຢາງ

ຄ. ແມ່ນການສົມທົບລະຫວ່າງ ລວງຍາວຂອງປາກກົດ. ຈັງຫວະກົດ ແລະ ນຳໃຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງ ໃນເວລາເກັບກູ້ຜົນຜະລິດ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 07: Tại sao không được cày giữa hàng (đường luống 6m) trong vườn cao su kinh doanh?

- a. Cày giữa hàng không có hiệu quả kinh tế.
- b. Việc cày giữa hàng dễ làm tổn thương hệ rễ hút dinh dưỡng cây cao su, tăng tỉ lệ khô miêng cạo.
- c. Khi cày giữa hàng sẽ làm ức chế khả năng cho mủ của cây cao su.
- d. Vì cày giữa hàng làm đứt rễ hút dinh dưỡng của cây và gây xói mòn đất.

7. ເປັນຫຍັງຈຶ່ງບໍ່ອະນຸຍາດໃຫ້ໄຖວ່າງກາງ(ແຖວ 6ແມດ)ໃນສວນຢາງທີ່ກຳລັງເກັບກູ້

ກ. ໄຂວາງກາງກົກບໍ່ມີຜົນທາງດ້ານເສດຖະກິດ

ຂ. ການໄຖວ່າງກາງເຮັດໃຫ້ຮາກຂາດບໍ່ສາມາດດູດທາດບຳລຸງໃຫ້ກົກຢາງ, ເພີ່ມເປີເຊັນພະຍາດປາກກົດແຫ້ງ

ຄ. ເຮັດໃຫ້ກົກຢາງໃຫ້ນ້ຳຢາງໜ້ອຍ

ງ. ເຮັດໃຫ້ຮາກທີ່ດູດທາດບຳລຸງຂາດ ແລະ ເຮັດໃຫ້ດິນເຈື່ອນ

Câu hỏi 08: Biện pháp làm cỏ giữa hàng cho vườn cao su kinh doanh?

- a. Sử dụng phương pháp cày lật đất để tận diệt hết mầm cỏ dại
- b. Kết hợp cơ giới và thủ công để kiểm soát cỏ dại có hiệu quả.
- c. Chỉ phát cỏ thủ công 01 lần/năm trong mùa mưa.
- d. Phát cỏ giữa hàng, giữ lại thảm dày từ 10 – 15 cm để chống xói mòn.

8. ການເສຍຫຍ້າວາງກາງສວນຢາງທີ່ກຳລັງເກັບກູ້ວອມວິທີໃດດີສຸດ

- ກ. ໄຊ້ຮູບການໄຖວາງກົກເພື່ອ ກຳຈັດຮາກຫຍ້າໄດ້ເດັດຂາດ
- ຂ. ສົມທົບ ລະຫວ່າງກົນຈັກແລະແຮງງານເພື່ອ ກຳຈັດຫຍ້າໄດ້ດີ
- ຄ. ມີແຕ່ຖາງຫຍ້າປິລະເທື່ອໃນຍາມຝົນ

ງ. ຖາງຫຍ້າວາງກາງກົກເພື່ອຮັກສາໄວ້ຄວາມສູງຂອງຫຍ້າແຕ່ 10-15 ຊມ ເພື່ອປ້ອງກັນການເຊາະເຈື່ອນ

Câu hỏi 09: Biện pháp làm cỏ hàng cho vườn cao su kinh doanh?

- a. Làm sạch cỏ cách mỗi bên cây cao su 1 m đối với đất bằng.
- b. Đối với đất dốc chỉ làm cỏ bồn xung quanh cách gốc cao su 1 m.
- c. Phần còn lại phát giữ thảm dày 10 – 15 cm.
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

9. ການເສຍຫຍ້າແຖວສວນຢາງທີ່ກຳລັງເກັບກູ້ແມ່ນວິທີໃດດີສຸດ

- ກ. ຖາງຫຍ້າໃຫ້ສະອາດກົກຢາງຂ້າງລະ 1 ແມດ ຖ້າເປັນດິນພຽງ
- ຂ. ທຽບກັບດິນຄ້ອຍແມ່ນເສຍແບບກົມມົນອອ້ມກົກ 1 ແມດ
- ຄ. ສ່ວນທີ່ຍັງເຫຼືອແມ່ນຖາງຫຍ້າປະໄວ້ 10-15 ຊມ

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 10: Tại sao phải đổi đầu cạo sau mỗi phiên cạo?

- a. Để các cây trong phần cạo có thời gian chảy mủ tương đương nhau cho sản lượng mủ thu hoạch cao.
- b. Tạo điều kiện cho công nhân quản lý phần cây cạo của mình chặt chẽ hơn, dễ kiểm tra mủ bị mất cắp.
- c. Tránh cho cây cao su khô miệng cạo, kiểm soát và phòng tránh bệnh hại vườn cây.
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

10. ເປັນຫຍັງຕ້ອງປ່ຽນຫົວກົດໃນເວລາກົດຄັ້ງຕໍ່ໄປ ?

- ກ. ເພື່ອໃຫ້ຈຳນວນກົກຢາງຂອງເບີກົດມີເວລາໃຫ້ນ້ຳຢາງໄຫຼຢ່າງສະໝໍ່າສະເໝີ ເພື່ອໃຫ້ມີບໍລິມາດຫຼາຍ
- ຂ. ສ້າງເງື່ອນໄຂໃຫ້ກ/ກຸ່ມຄອງເບີກົດໄດ້ຮອບຄອບກວ່າ ແລະ ສາມາດກວດກາປະລິມານນ້ຳຢາງຖືກລັກ.
- ຄ. ຫຼີກລ້ຽງກົກຢາງປາກກົກແຫ້ງ ແລະ ປ້ອງກັນພະຍາດສິ່ງຜົນກະທົບເຖິງສວນຢາງ.

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 11: Để giải quyết tình trạng thiếu hụt lao động cạo mủ và tăng năng suất lao động cho công nhân, có thể chọn phương án nào sau đây?

- a. Áp dụng giảm nhịp độ cạo d4 với tần số kích thích mủ hợp lý, kết hợp sử dụng mái che mặt cạo và màng che chén hứng mủ.

b. Áp dụng phương pháp thu mủ đông tự nhiên, tăng số cây cạo trên phần (750 cây) và không cần thu mủ mỗi ngày, sử dụng chén hứng mủ dung tích lớn kết hợp các biện pháp che mưa.

c. Áp dụng chế độ cạo d3, tăng nhịp độ kính thích, giảm số cây trên phần cạo, tăng cường thu trút mủ nhiều lần.

d. Chỉ có câu trả lời a và b là đúng.

11. ເພື່ອແກ້ໄຂບັນຫາຂາດແຮງງານກົດຢາງ ແລະເພີ່ມສະມັດຕະຂອງກຳມະກອນຈຳເປັນຕ້ອງໃຊ້ຮູບການໃດ

ກ. ຫຼຸດຜ່ອນຈັງຫວະກົດ d4 ແລະ ໃຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງທີ່ເໝາະສົມ ລວມເຖິງການໃຊ້ແຜ່ນກັນຝົນໃຫ້ໜ້າກົດ ແລະ ຖ້ວຍບັນຈຸນ້ຳຢາງ.

ຂ. ນຳໃຊ້ການເກັບກູ້ປະຢາງກ້າມແບບທຳມະຊາດ, ເພີ່ມຈຳນວນກົກກົດເປັນ 750 ກົກ ແລະ ບໍ່ຈຳເປັນຕ້ອງເກັບກູ້ຢາງທຸກວັນ, ໃຊ້ຖວ້ຍຕີຢາງຂະໜາດໃຫຍ່ກວ່າເກົ່າ ແລະ ໃຊ້ແຜ່ນກັນຝົນ

ຄ. ນຳໃຊ້ລະບົບກົດ d3 ເພີ່ມການເລັ່ງນ້ຳຢາງ ລົດຈຳນວນກົກກົດເກັບກູ້ຢາງຫຼາຍເທື່ອ

ງ. ມີ ແຕ່ ຂ້ ກ ແລະ ຂ້ ຂ ຖືກ

Câu hỏi 12: Sự tái sinh vỏ cạo phụ thuộc vào các yếu tố nào?

a. Điều kiện ngoại cảnh (khí hậu, thổ nhưỡng...) mật độ trồng và tình trạng bệnh hại

b. Đặc tính giống và điều kiện bón phân chăm sóc vườn cây.

c. Chế độ cạo và kỹ thuật cạo trên vườn cây.

d. Cả 03 câu đều đúng.

12. ການເກີດໃໝ່ຂອງເປືອກຢາງແມ່ນຂຶ້ນກັບປັດໃຈໃດແນ່

ກ. ສະພາບແວດລ້ອມ (ດິນຟ້າອາກາດ, ດິນ) ໄລຍະຫ່າງວ່າງກົກ ແລະ ສະພາບເປັນພະຍາດ

ຂ. ຈຸດພິເສດຂອງແນວພັນ, ການບົວລະບັດຮັກສາ ແລະ ໃສ່ຝຸນ

ຄ. ລະບົບການກົດ ແລະ ເຕັກນິກການກົດ

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 13: Nếu mặt cạo bị ứt do máng chắn mưa/mái che mưa bị rò rỉ thì người công nhân cạo mủ xử lý như thế nào?

a. Vẫn tiến hành cạo trên cây đó và không phải xử lý, gia cố.

b. Ngưng cạo trên cây đó, đánh dấu vị trí rò rỉ để xử lý, báo tổ trưởng và tổ chức gia cố ngay khi thời tiết thuận lợi, để đủ điều kiện cho nhát cạo tiếp theo.

c. Vẫn tiến hành cạo trên cây đó và đánh dấu vị trí rò rỉ để xử lý, gia cố khi thời tiết thuận lợi.

d. Ngưng cạo trên cây đó và cạo lại khi mặt cạo khô ráo, không phải xử lý, gia cố.

13. ຖ້າພື້ນຜິວທີ່ກົດປຽກເນື່ອງຈາກແນວກັນນ້ຳຝົນຮົ່ວໄຫຼ, ກຳມະກອນຜູ້ກົດຢາງ ຄວນຈັດການ ກັບມັນ ແນວໃດ?

ກ. ຍັງກົດຢູ່ເທິງຕົ້ນນັ້ນ ແລະ ບໍ່ຈຳເປັນຕ້ອງແກ້ໄຂ ຫຼື ຕໍ່ເຕີມ.

ຂ. ຢຸດການກົດຢາງຕົ້ນນັ້ນ, ໝາຍຈຸດທີ່ຮົ່ວເພື່ອຈັດການແກ້ໄຂ, ລາຍງານຕໍ່ຫົວໜ້າ ແລະ ຈັດຕັ້ງການຕໍ່ເຕີມ ໃນທັນທີທີ່ສະພາບອາກາດເອື້ອອຳນວຍ ເພື່ອສາມາດດຳເນີນກົດຕໍ່ໄປ.

ຄ. ຍັງຄົງກົດຢາງຕົ້ນນັ້ນ ແລະ ໝາຍບ່ອນທີ່ຮົ່ວໄຫລເພື່ອຈັດການແກ້ໄຂ ແລະ ຕໍ່ເຕີມໃນເວລາທີ່ ສະພາບ ອາກາດເອື້ອອຳນວຍ.

ງ. ຢຸດການກົດຢາງເທິງຕົ້ນນັ້ນ ແລະ ກົດອີກຄັ້ງເມື່ອພື້ນຜິວທີ່ກົດໄດ້ແຫ້ງ ແລະ ຍັງບໍ່ໄດ້ຮັບການຈັດການ ແກ້ ໄຂ ຫຼື ຕໍ່ເຕີມ.

Câu hỏi 14: Vì sao miệng cạo được thiết kế đúng độ dốc quy định xuống từ trái sang phải so với trục ngang?

a. Vì cắt được nhiều hệ thống mạch mủ nhất.

b. Vì yêu cầu của tư thế cạo mủ.

c. Vì truyền thống xưa để lại.

d. Cả 03 câu trên đều đúng.

14. ເປັນຫຍັງປາກກົດຈຶ່ງໄດ້ອອກແບບໃຫ້ຄອ້ຍລົງແຕ່ຊ້າຍຫາຂວາ

ກ. ຍ້ອນປາດໄດ້ທີ່ນ້ຳຢາງຫຼາຍທີ່ສຸດ

ຂ. ຍ້ອນຄວາມຕ້ອງການຂອງທ່າກົດ

ຄ. ຍ້ອນມຸມເຊື້ອແຕ່ໃດມາ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 15: Vì sao khi thiết kế miệng cạo phối hợp úp ngửa cùng phía thì 02 miệng cạo phải cách ít nhất 30cm?

a. Để tránh bị chồng lấn vùng huy đông mủ.

b. Để dễ dàng kiểm soát kỹ thuật từng miệng cạo.

c. Để hạn chế lây lan bệnh mắt cạo.

d. Để tiết kiệm vật tư trang bị cho cây cao su.

15. ເປັນຫຍັງຈຶ່ງອອກແບບປາກກົດຂວັນ,ຫງາຍ ເທິງໜ້າດຽວໄລຍະຫ່າງນ້ອຍສຸດແມ່ນ 30ຊມ

ກ. ເພື່ອຫຼີກລ້ຽງການໄຫຼທັບຊອ້ນກັນຂອງທີ່ນ້ຳຢາງ

ຂ. ເພື່ອຄວາມສະດວກໃນການກວດກາເຕັກນິກປາກກົດ

ຄ. ເພື່ອລົດຜ່ອນການລະບາດພະຍາດປາກກິດ

ງ. ເພື່ອປະຢັດວັດຖຸອຸປະກອນໃນການຕິດຕັ້ງ

Câu hỏi 16: Quy định đối với cạo úp có kiểm soát, miệng Tiền được thiết kế cách mặt đất là bao nhiêu?

a. Từ 1,1m đến 1,3m.

b. Từ 1,3m đến 2m.

c. Từ 2m đến 3m.

d. Từ 3m trở lên.

16. ກຳນົດກ່ຽວກັບການກົດຂວ້າມມີການກວດກາປາກກິດແມ່ນໃຫ້ຫ່າງຈາກພື້ນດິນຈັກແມັດ

ກ. ແຕ່ 1.1ມ ຫາ 1.3ມ

ຂ. ແຕ່ 1.3ມ ຫາ 2ມ

ຄ. ແຕ່ 2ມ ຫາ 1.3ມ

ງ. ແຕ່ 3ມ ຂຶ້ນໄປ

Câu hỏi 17: Quy định dụng cụ thiết kế miệng cạo, bảng cạo trên cây cao su bao gồm những gì?

a. Thước cây thiết kế miệng cạo 1,5 m, móc rạch, dây 3 gút hoặc thước dây, thước đánh dấu hao dăm, rập miệng cạo ngửa 30° , rập miệng cạo úp 42° .

b. Thước cây thiết kế miệng cạo 1,5 m, móc rạch, dây 3 gút hoặc thước dây, thước đánh dấu hao dăm, rập miệng cạo ngửa 32° , rập miệng cạo úp 42° .

c. Thước cây thiết kế miệng cạo 1,5 m, móc rạch, dây 3 gút hoặc thước dây, thước đánh dấu hao dăm, rập miệng cạo ngửa 32° , rập miệng cạo úp 45° .

d. Thước cây thiết kế miệng cạo 1,5 m, móc rạch, dây 3 gút hoặc thước dây, thước đánh dấu hao dăm, rập miệng cạo ngửa 34° , rập miệng cạo úp 45° .

17. ກຳນົດອຸປະກອນໃນການອອກແບບປາກກິດກະດານກົດເທິງກົກມີຫຍັງແນ່

ກ. ໄມ້ບັນທັດກຳນົດຈຸດປາກກິດ 1.5ມ, ຂີດໝາຍ, ເຊືອກ 3ຂໍ້, ບັນທັດໝາຍເບື້ອງເບື້ອກ, ແທກປາກກິດຫງາຍ 30° , ແທກປາກກິດຂວ້າມ 42°

ຂ. ໄມ້ບັນທັດກຳນົດຈຸດປາກກິດ 1.5ມ, ຂີດໝາຍ, ເຊືອກ 3ຂໍ້, ບັນທັດໝາຍເບື້ອງເບື້ອກ, ແທກປາກກິດຫງາຍ 32° , ແທກປາກກິດຂວ້າມ 42°

ຄ. ໄມ້ບັນທັດກຳນົດຈຸດປາກກິດ 1.5ມ, ຂີດໝາຍ, ເຊືອກ 3ຂໍ້, ບັນທັດໝາຍເບື້ອງເບື້ອກ, ແທກປາກກິດຫງາຍ 32° , ແທກປາກກິດຂວ້າມ 45°

ງ. ໄມ້ໄມ້ບັນທັດກຳນົດຈຸດປາກກົດ 1.5ມ, ຂີດໝາຍ, ເຊືອກ3ຂໍ້, ບັນທັດໝາຍເບື້ອງເບື້ອກ, ແທກປາກກົດ ຫງາຍ 34°, ແທກປາກກົດຂວ້າມ 45°

Câu hỏi 18: Vì sao phải rập thiết kế miệng cạo hàng năm để chuẩn bị trước khi mở cạo đầu vụ?

- a. Vì cắt được nhiều mạch mủ nhất, duy trì năng suất sản lượng vườn cây.
- b. Vì yêu cầu tư thế cạo mủ, giúp công nhân dễ di chuyển, tăng năng suất lao động.
- c. Vì duy trì đúng độ dốc đường cạo theo quy định và đảm bảo quy hoạch vỏ cạo.
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

18. ເປັນຫຍັງຈຶ່ງຕ້ອງອອກແບບປາກກົດທຸກປີກ່ອນທີ່ຈະກົດຕົ້ນປີ

ກ. ຍອ້ນປາດໄດ້ທໍ່ນ້ຳຢາງຫຼາຍ

ຂ. ຄວາມຕ້ອງການຂອງທ່າກົດ

ຄ. ເພື່ອຮັກສາລະດັບຄອ້ຍຂອງທາງກົດຕາມຂໍ້ກຳນົດ ແລະ ຮັບປະກັນການຈັດສັນເບື້ອງເບື້ອກ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 19: Trong vườn cây cao su kinh doanh, mở cạo những cây có vanh thân từ 40cm đo cách mặt đất 1m khi nào?

- a. Vườn cây mới mới có trên 90% số cây đủ tiêu chuẩn mở cạo.
- b. Đầu năm thứ 3, mở cạo tất cả các cây có bề vòng thân trên 40 cm.
- c. Đầu năm thứ 4, mở cạo tất cả các cây có bề vòng thân trên 40 cm.
- d. Câu trả lời gồm cả a và b là đúng.

19. ໃນສວນຢາງທຸລະກິດ, ເປີດກົດສ່ວນກົກທີ່ມີລວງຮອບແຕ່ 40cm ຫ່າງຈາກພື້ນດິນ 1ມ

ກ. ລອກເປີດກົດທີ່ມີ ກວ່າ 90% ຈຳນວນກົກໄດ້ມາດຖານ ເປີດກົດ.

ຂ. ເພື່ອປົກກົດປີທີ 3 ເປີດກົດໃຫ້ໝົດຈຳນວນກົກທີ່ມີລວງຮອບເກີນ 40ຊມ

ຄ. ເພື່ອປົກກົດປີທີ 4 ເປີດກົດໃຫ້ໝົດຈຳນວນກົກທີ່ມີລວງຮອບເກີນ 40ຊມ

ງ. ຕອບທັງຂໍ້ ກ ແລະ ຂໍ້ ຂ ແມ່ນຖືກ

Câu hỏi 20: Vật tư trang bị cho cây cạo bao gồm:

- a. Kiềng, máng và chén hứng mủ.
- b. Máng chắn hoặc mái che mưa cho mặt cạo và chén hứng mủ.
- c. Máng đỡ dẫn mủ (miệng cạo úp) và dây dẫn mủ (cạo tận thu).
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

20. ວັດຖຸອຸປະກອນທີ່ຕິດຕັ້ງໃຫ້ສວນຢາງລວມມີ

ກ. ເຫຼັກຮອງຖ້ວຍຢາງ, ຮາງລິນ, ຖ້ວຍຕົງນ້ຳຢາງ,

ຂ. ແຜ່ນຢາງກັນຝົນປາກກິດ ແລະ ຖວ້ຍຕົງຢາງ

ຄ. ແຜ່ນຢາງກັນຝົນ ແລະ ຝ້າຍລຳລຽງນ້ຳຢາງໂຕງຢາງ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 21: Vì sao phải gắn máng chắn nước mưa hoặc mái che mặt cạo?

- Để ngăn và hạn chế nước mưa chảy từ trên tán lá xuống làm ẩm ướt mặt cạo.
- Để bảo vệ mặt cạo và miệng cạo không bị ẩm ướt, có thể cạo bình thường trong mùa mưa vào những ngày mưa nhỏ.
- Hạn chế thất thu sản lượng mủ trong mùa mưa.
- Cả 03 câu trên đều đúng.

21. ເປັນຫຍັງຈຶ່ງຕ້ອງຕິດຕັ້ງແຜ່ນຢາງກັນຝົນຫຼືແຜ່ນກັນປາກກິດ

- ເພື່ອກັນແລະ ລົດຜ່ອນນ້ຳຝົນແຕ່ເທິງໄຫຼລົງເຮັດໃຫ້ປາກກິດປຽກ
- ປ້ອງກັນໜ້າກິດແລະປາກກິດບໍ່ໃຫ້ປຽກຊຸ່ມ.ອາດສາມາດກິດໄດ້ໃນຊ່ວງທີ່ຝົນແລະຍາມຝົນ
- ລົດຜ່ອນການເສຍນ້ຳຢາງໃນຍາມຝົນ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 22: Kỹ thuật xả miệng cạo 03 nhát dao: cạo chuẩn, vạt nêm, hoàn chỉnh; yêu cầu ép má dao đến độ sâu quy định (lọt góc má dao cạo), tránh cạo phạm ở vị trí mở miệng cạo, áp dụng trên vườn cây nào?

- Vườn cây mới mới năm thứ nhất.
- Vườn cây năm đầu chuyển miệng lên bảng cạo BO-2.
- Vườn cây mở miệng cạo úp đầu tiên của các bảng cạo.
- Cả 03 câu trên đều đúng.

22. ຕິກນິກເປີດປາກກິດ 3ເທື່ອ: ກິດໄດ້ມາດຖານ, ຂົ່ມມິດກິດຊ້າງຈົນເຖິງລະດັບເລິກຕາມກຳນົດ(ໃຫ້ເຂົ້າຕາມລະດັບຄວາມສູງຂອງມິດກິດ)ຫຼີກລ້ຽງກິດພາດຈຸດເປີດປາກກິດນຳໄຊໃນສວນຢາງໃດ

- ສວນຢາງເປີດກິດໃໝ່ປີທີ1
- ສວນຢາງເປີດກິດໃໝ່ປີທີ1 ຍ້າຍປາກກິດຂຶ້ນເທິງສູງກິດ BO-2
- ສວນເປີດປາກຂ້ວາມທຳອິດຂອງແຕ່ລະໜ້າກິດ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 23: Độ hao dăm cạo cho phép khi cạo xả mở miệng cạo lại (02 nhát) là bao nhiêu?

- tối thiểu 0,5cm

b. từ 0,5 – 1 cm

c. tối đa 2 cm

d. tối đa 3 cm

23. ຄວາມເປືອງຂອງເປືອກ ໃນເວລາເປີດປາກກິດ 2ຄັ້ງ ແມ່ນອະນຸຍາດໄດ້ເທົ່າໃດ

ກ. ນ້ອຍສຸດ 0.5ມມ

ຂ. ແຕ່ 0.5-1ຊມ

ຄ. ສູງສຸດ 2ຊມ

ງ. ສູງສຸດ 3ຊມ

Câu hỏi 24: Tại sao phải cạo đúng độ sâu theo quy định?

a. Vì sẽ giữ được lớp libe để vận chuyển các chất đồng hóa tổng hợp từ tán lá xuống thân cây để tái tạo mủ.

b. Vì tránh làm hư hỏng tượng tầng, duy trì sự vận chuyển chất dinh dưỡng để tái tạo mủ và không gây sẹo, u lồi khi tái sinh vỏ.

c. Vì độ sâu quy định cho hiệu quả cao nhất khi cắt được nhiều nhất số lượng vòng ống mủ trong lớp da lụa (vỏ mềm) gần tượng tầng nhất có thể.

d. Cả 03 câu trả lời trên đều đúng.

24. ເປັນຫຍັງຈຶ່ງຕ້ອງກົດໃຫ້ໄດ້ລະດັບເລິກຕາມ ຕາມກຳນົດ

ກ. ເພື່ອຮັກສາໄດ້ຊັ້ນເປືອກ libe ທີ່ມີທໍ່ນໍ້າລຳລຽງຢ່າງແຕ່ໃບຈົນຮອດກົກ

ຂ. ເພື່ອຫຼີກລ້ຽງການເສຍຫາຍຂອງແຕ່ລະຊັ້ນເປືອກ, ຮັກສາການລຳລຽງທາດບຳລຸງເພື່ອສ້າງນ້ຳຢາງ ແລະ ບໍ່ເຮັດໃຫ້ເກີດແປ້ວໃນເວລາເປືອກເກີດໃໝ່

ຄ. ຍ້ອນລະດັບເລິກກຳນົດສະມັດຕະພາບສູງໃນເວລາທີ່ປາດໄດ້ທໍ່ລຳລຽງນ້ຳຢາງໃນຊັ້ນເປືອກຢ່າງອ່ອນ

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 25: Độ sâu cạo được quy định (cách tượng tầng) là bao nhiêu?

a. 1,0 mm – 1,3 mm.

b. 1,0 mm – 1,5 mm.

c. 1,1 mm – 1,3 mm.

d. 1,1 mm – 1,5 mm.

25. ລະດັບເລິກຂອງການກົດໄດ້ກຳນົດແມ່ນເທົ່າໃດ

ກ. 1.0ມມ - 1.3ມມ

ຂ. 1.0ມມ - 1.5ມມ

ຄ. 1.1ມມ - 1.3ມມ

ງ. 1.1mm - 1.5mm

Câu hỏi 26: Vì sao cạo cạo không thu được nhiều mù?

- a. Vì đường cắt không phát huy được vùng huy động mù.
- b. Vì khi cạo cạo sẽ không tạo đủ lực làm cho mù chảy.
- c. Vì không cắt được nhiều mach mù tập trung ở vùng sát tương tầng.
- d. Chỉ có câu a và c là đúng.

26. ເປັນຫຍັງກິດຕື້ນຈຶ່ງບໍ່ເກັບກູ້ໄດ້ນ້ຳຢາງຫຼາຍ

- ກ. ຍ້ອນທາງກິດບໍ່ໄດ້ລຳລຽງນ້ຳຢາງໄດ້
- ຂ. ຍ້ອນເວລາກິດຕື້ນຈະບໍ່ສ້າງແຮງດັນໃຫ້ນ້ຳຢາງໄຫຼ
- ຄ. ຍ້ອນຕັດບໍ່ໄດ້ຫຼາຍທໍ່ນ້ຳຢາງທີ່ລວມຕົວກັນຢູ່ເຂດໄກ້ຊິ້ນເບືອກລຳລຽງ
- ງ. ມີແຕ່ຂໍ້ ກ ແລະ ຂໍ້ ຄ ຖືກ

Câu hỏi 27: Khi cạo chạm gỗ là cạo phạm, mức độ vết phạm như thế nào là vi phạm lỗi cạo phạm nặng?

- a. Chiều dài ≥ 5 mm, chiều rộng > 3 mm.
- b. Chiều dài ≥ 5 mm, chiều rộng < 3 mm.
- c. Chiều dài < 5 mm, chiều rộng > 3 mm.
- d. Chiều dài < 5 mm, chiều rộng < 3 mm.

27. ກິດຄົງແກ່ນໄມ້ແມ່ນກິດລະເມີດລະດັບຈຸດລະເມີດແນວໄດແມ່ນຫນັກ

- ກ. ຄາວມຍາວ ≥ 5 mm, ຄາວມກ້ວາງ > 3 mm
- ຂ. ຄາວມຍາວ ≥ 5 mm, ຄາວມກ້ວາງ < 3 mm
- ຄ. ຄາວມຍາວ < 5 mm, ຄາວມກ້ວາງ > 3 mm
- ງ. ຄາວມຍາວ < 5 mm, ຄາວມກ້ວາງ < 3 mm

Câu hỏi 28: Độ hao dăm cạo (hao vỏ cạo) được quy định cho miêng cạo ngửa khi cạo nhịp độ D3 là bao nhiêu?

- a. Hao dăm 1,1 mm – 1,3 mm/lần cạo, hao vỏ cạo tối đa 18 cm/năm.
- b. Hao dăm 1,1 mm – 1,5 mm/lần cạo, hao vỏ cạo tối đa 18 cm/năm.
- c. Hao dăm 1,2 mm – 1,6 mm/lần cạo, hao vỏ cạo tối đa 15 cm/năm.
- d. Hao dăm 1,5 mm – 3 mm/lần cạo, hao vỏ cạo tối đa 15 cm/năm.

28. ການກຳນົດໃຫ້ກິດເບືອງເບືອກຂອງການກິດຫຼາຍໃນການ D3 ແມ່ນເທົ່າໃດ

- ກ. ເບືອງແຕ່ 1.1mm - 1.3mm/ຄັ້ງ, ກິດເບືອງເບືອກສູງສຸດ 18ຊມ/ປີ
- ຂ. ເບືອງແຕ່ 1.1mm - 1.5mm/ຄັ້ງ, ກິດເບືອງເບືອກສູງສຸດ 18ຊມ/ປີ

ຄ. ເປືອງແຕ່ 1.2ມມ - 1.6ມມ/ຄັ້ງ, ກິດເປືອງເປືອກສູງສຸດ 15ຊມ/ປີ

ງ. ເປືອງແຕ່ 1.5ມມ - 3ມມ/ຄັ້ງ, ກິດເປືອງເປືອກສູງສຸດ 15ຊມ/ປີ

Câu hỏi 29: Độ hao dăm cạo (hao vỏ cạo) được quy định cho miệng cạo ngựa khi cạo nhịp độ d4 là bao nhiêu?

a. Hao dăm 1,1 mm – 1,3 mm/lần cạo, hao vỏ cạo tối đa 18 cm/năm.

b. Hao dăm 1,1 mm – 1,5 mm/lần cạo, hao vỏ cạo tối đa 18 cm/năm.

c. Hao dăm 1,2 mm – 1,6 mm/lần cạo, hao vỏ cạo tối đa 15 cm/năm.

d. Hao dăm 1,5 mm – 3 mm/lần cạo, hao vỏ cạo tối đa 15 cm/năm.

29. ການກຳນົດໃຫ້ກິດເປືອງເປືອກຂອງການກິດຫງາຍໃນການ D4 ແມ່ນເທົ່າໃດ

ກ. ເປືອງແຕ່ 1.1ມມ - 1.3ມມ/ຄັ້ງ, ກິດເປືອງເປືອກສູງສຸດ 18ຊມ/ປີ

ຂ. ເປືອງແຕ່ 1.1ມມ - 1.5ມມ/ຄັ້ງ, ກິດເປືອງເປືອກສູງສຸດ 18ຊມ/ປີ

ຄ. ເປືອງແຕ່ 1.2ມມ - 1.6ມມ/ຄັ້ງ, ກິດເປືອງເປືອກສູງສຸດ 15ຊມ/ປີ

ງ. ເປືອງແຕ່ 1.5ມມ - 3ມມ/ຄັ້ງ, ກິດເປືອງເປືອກສູງສຸດ 15ຊມ/ປີ

Câu hỏi 30: Độ hao dăm cạo (hao vỏ cạo) được quy định cho miệng cạo úp có kiểm soát khi cạo nhịp độ d3 là bao nhiêu?

a. Hao dăm không quá 2 mm/lần cạo và hao vỏ cạo tối đa 2,5 cm/tháng.

b. Hao dăm không quá 2 mm/lần cạo và hao vỏ cạo tối đa 3 cm/tháng.

c. Hao dăm không quá 2,2 mm/lần cạo và hao vỏ cạo tối đa 2,5 cm/tháng.

d. Hao dăm không quá 2,2 mm/lần cạo và hao vỏ cạo tối đa 3 cm/tháng.

30. ການກຳນົດໃຫ້ກິດເປືອງເປືອກຂອງການກິດຂ້າມມີການກວດກາໃນການກິດ D3 ແມ່ນເທົ່າໃດ

ກ. ເປືອງບໍ່ເກີນ 2ມມ/ຄັ້ງ ແລະ ກິດບໍ່ໃຫ້ເປືອງເປືອກສູງສຸດ 2.5ຊມ/ເດືອນ

ຂ. ເປືອງບໍ່ເກີນ 2ມມ/ຄັ້ງ ແລະ ກິດບໍ່ໃຫ້ເປືອງເປືອກສູງສຸດ 3ຊມ/ເດືອນ

ຄ. ເປືອງບໍ່ເກີນ 2.2ມມ/ຄັ້ງ ແລະ ກິດບໍ່ໃຫ້ເປືອງເປືອກສູງສຸດ 2.5ຊມ/ເດືອນ

ງ. ເປືອງບໍ່ເກີນ 2.2ມມ/ຄັ້ງ ແລະ ກິດບໍ່ໃຫ້ເປືອງເປືອກສູງສຸດ 3ຊມ/ເດືອນ

Câu hỏi 31: Độ hao dăm cạo (hao vỏ cạo) được quy định cho miệng úp có kiểm soát khi cạo nhịp độ d4 là bao nhiêu?

a. Hao dăm không quá 2 mm/lần cạo và hao vỏ cạo tối đa 2,5 cm/tháng.

b. Hao dăm không quá 2 mm/lần cạo và hao vỏ cạo tối đa 3 cm/tháng.

c. Hao dăm không quá 2,2 mm/lần cạo và hao vỏ cạo tối đa 2,5 cm/tháng.

d. Hao dăm không quá 2,2 mm/lần cạo và hao vỏ cạo tối đa 3 cm/tháng.

31. ການກຳນົດໃຫ້ກົດເບືອງເປືອກຂອງການກົດຂ້າມມີການກວດກາໃນການກົດ D4 ແມ່ນເທົ່າໃດ

ກ. ເບືອງບໍ່ເກີນ 2ມມ/ຄັ້ງ ແລະ ກົດບໍ່ໃຫ້ເບືອງເບືອກສູງສຸດ 2.5ຊມ/ເດືອນ

ຂ. ເບືອງບໍ່ເກີນ 2ມມ/ຄັ້ງ ແລະ ກົດບໍ່ໃຫ້ເບືອງເບືອກສູງສຸດ 3ຊມ/ເດືອນ

ຄ. ເບືອງບໍ່ເກີນ 2.2ມມ/ຄັ້ງ ແລະ ກົດບໍ່ໃຫ້ເບືອງເບືອກສູງສຸດ 2.5ຊມ/ເດືອນ

ງ. ເບືອງບໍ່ເກີນ 2.2ມມ/ຄັ້ງ ແລະ ກົດບໍ່ໃຫ້ເບືອງເບືອກສູງສຸດ 3ຊມ/ເດືອນ

Câu hỏi 32: Vì sao không được cạo hụt hoặc vượt ranh hậu và ranh tiền trên mặt cạo của cây cao su?

a. Cạo vượt ranh hậu và ranh tiền sẽ phá vỡ quy hoạch bản cạo.

b. Cạo hụt ranh hậu và ranh tiền đường cạo ngắn cắt được ít vòng ống mủ, thu được sản lượng thấp.

c. Cạo không đúng tuyến ranh hậu và ranh tiền sẽ không phát huy tối đa vùng huy động mủ, giảm sản lượng thu hoạch trên lần cạo.

d. Cả 03 câu trên đều đúng.

32. ເປັນຫຍັງຈຶ່ງບໍ່ອະນຸຍາດໃຫ້ກົດບໍ່ຮອດຫຼືກ່າຍລ່ຽມໜ້າລ່ຽມຫຼັງຂອງໜ້າກົດ

ກ. ກົດບໍ່ຮອດຫຼືກົດກ່າຍລ່ຽມໜ້າລ່ຽມຫຼັງຈະເຮັດໃຫ້ການຈັດສັນເບືອກກົດເສຍຫາຍ

ຂ. ກົດບໍ່ຮອດຫຼືກົດກ່າຍລ່ຽມໜ້າລ່ຽມຫຼັງຈະເຮັດໃຫ້ຮອຍມົດກົດສິ້ນຕັດໄດ້ທໍ່ນ້ຳຢາງໜ້ອຍເກັບກູ້ໄດ້ໜ້ອຍ

ຄ. ກົດບໍ່ຖືກແດນລ່ຽມໜ້າລ່ຽມຫຼັງຈະບໍ່ໄດ້ແຫຼ່ງຜະລິດນ້ຳຢາງຫຼາຍແລະເກັບກູ້ໃນແຕ່ລະຄັ້ງໄດ້ໜ້ອຍ

ງ. ຖືກທັງ 3ຂໍ້

Câu hỏi 33: Điều kiện thời tiết không thuận lợi nào sau đây có quy định phải tạm dừng tổ chức cạo mủ?

a. Tạm dừng cạo khi nhiệt độ không khí trung bình dưới 15°C trong 3 ngày liên tiếp và cạo lại khi nhiệt độ trên 15°C.

b. Tạm dừng cạo khi nhiệt độ không khí trung bình trên 40°C trong 5 ngày liên tiếp và tầng lá phía dưới chuyển vàng, rụng (ảnh hưởng hạn sinh lý đối với vườn cây trên vùng đồi), cạo lại khi nhiệt độ bình thường.

c. Tạm dừng cạo trong điều kiện khí hậu bất thuận, khắc nghiệt kéo dài.

d. Chỉ có câu a và b là đúng.

33. ສະພາບດິນຟ້າອາກາດແບບໃດທີ່ກຳນົດຈະຕ້ອງໃຫ້ຢຸດກົດ

ກ. ຢຸດກົດໃນເມື່ອອຸນນະພູມສະເລ່ຍ ຕໍ່າກວ່າ 15°C ເປັນເວລາ 3ມື້ ລຽນຕິດ ແລະ ກັບມາກົດຄືນເມື່ອ ອຸນນະພູມເກີນ15°C

38. ຮູບການການເກັບກູ້ຢ່າງນີ້ ກຳລັງກະກອນຕ້ອງປະຕິບັດກ່ອນແລະຫຼັງກິດຈະການປົກປ້ອງແນ່

ກ. ກ່ອນກິດຈະການເກັບກູ້ເອົາຢາເສັ້ນ, ຮອຍຢາກຳລັງດູໄຮງ, ຈັດເຫຼັກຮອງຖ້ວຍ, ຮາງລົມ, ເຊັ່ນຖ້ວຍແລະຂວ້າມູ
ຖ້ວຍປະເທິງຫຼັກຮອງ

ຂ. ກິດຈະການດູໄຮງຢ່າງໃຫຍ່ໄດ້ຮັບການປະຕິບັດກ່ອນການດູໄຮງ

ຄ. ທິດທາງກິດຈະການດູໄຮງຢ່າງໃຫຍ່: ຕອນວາງມືມືນໃສ່ປາກກິດຈະການດູໄຮງແມ່ນເປັນການກິດຈະການ
ກິດຈະການດູໄຮງ, ກິດຈະການດູໄຮງ, ປ່ຽນກິດຈະການ.

ງ. ຕືກທັງສາມຂໍ້

**Câu hỏi 39: Khi cáo trên vườn cây nhóm III (vườn tẻn thu), phải cáo trên cành
nhánh cao, muốn dẫn mủ vào chén phải làm như thế nào?**

a. Dẫn mủ từ măng dẫn mủ xuống chén hứng mủ bằng dây dẫn.

b. Dẫn mủ từ măng dẫn mủ xuống chén hứng mủ bằng dây nylon chắt liểu PP.

c. Dẫn mủ bằng cách rong mủ một mương dài từ miệng cáo xuống măng dẫn vào chén.

d. Cáo 03 câu trên đều đúng.

39. ເວລາກິດຈະການດູໄຮງປະເພດ III (ສວນຢາງທີ່ກຳລັງມີສະສາຍ) ກິດຈະການດູໄຮງທີ່ສູງ, ຫາກຕ້ອງການລ່າລາງນ້ຳ
ຢ່າງຮອດຖ້ວຍຕ້ອງເຮັດແນວໃດ

ກ. ການລ່າລາງນ້ຳຢ່າງຮອດຖ້ວຍແມ່ນໄຊ້ ສາຍລ່າລາງລົງຮອດຖ້ວຍຕົງຢ່າງ

ຂ. ການລ່າລາງນ້ຳຢ່າງຮອດຖ້ວຍແມ່ນໄຊ້ ສາຍຢ່າງ PP ລົງຮອດຖ້ວຍຕົງຢ່າງ

ຄ. ດ້ວຍການກິດຈະການດູໄຮງຮອດຖ້ວຍແມ່ນປາກກິດຈະການດູໄຮງຕົງຢ່າງ

ງ. ຕືກທັງສາມຂໍ້

**Câu hỏi 40: Với vườn cao su kinh doanh mô hình thu mủ nước, sau khi cáo
xong, lúc nào công nhân tiến hành trút mủ?**

a. Khi nào cũng được, tùy sức khỏe công nhân cáo.

b. Khi có hiệu lệnh trút mủ của Tổ/Dội trưởng.

c. Khi trói sập mủ hoặc chiều mát.

d. Khi mắt trời đứng bóng.

40. ໃນກໍລະນີສວນທີ່ເກັບກູ້ຢ່າງນີ້, ພາຍຫຼັງກິດຈະການດູໄຮງແລ້ວ ແມ່ນເວລາໃດກໍລະນີກະກອນໄປກູ້ຢ່າງ

ກ. ຢາມໃດກະກອນໄດ້ຂຶ້ນກັບສະພາບຂອງກໍລະນີກະກອນກິດ

ຂ. ໃນເວລາມື້ຄືເຊັ່ນຂອງຫົວໜ້າ

ຄ. ໃນເວລາທີ່ຝົນກໍລະນີກະກອນ

ງ. ໃນເວລາຕາເວັນແດດຈັດ

Câu hỏi 41: Để đảm bảo chất lượng mù nguyên liệu, công việc giao nhận mù nước phải được thực hiện như thế nào?

- Khi đổ mù nước từ thùng trút sang thùng chứa, phải dùng rây lọc mù với kích thước lỗ theo quy định và cần có màng phủ che đầy thùng để tránh vật lạ, lá cây lẫn vào mù.
- Khi đổ mù nước từ thùng chứa vào bồn của xe chở mù, phải có lưới lọc với kích thước lỗ 3 mm và có ghi nhận số liệu theo dõi sản lượng chất lượng mù từng phần cây, từng Tổ/Đội.
- Chất lượng mù nước phải đảm bảo chất lượng nguyên liệu đầu vào cho việc chế biến mù theo yêu cầu của từng đơn vị hoặc nơi thu mua, đặc biệt không để lẫn tạp chất (dăm cạo, lá, cành cây, cát, đất, bụi, vụn bao bì, vụn giẻ lau...)
- Cả 03 câu trên đều đúng.

41. ເພື່ອຮັບປະກັນຄຸນນະພາບ ຢາງນ້ຳຕົບ ຕ້ອງປະຕິບັດແນວໃດ

- ໃນເວລາຖອກນ້ຳຢາງແຕ່ຄຸກໃສ່ຖັງບັນຈຸຢາງ, ຕ້ອງນຳໄຊ້ຕະແກງຕອງທີ່ມີຮູຕາມທີ່ໄດ້ກຳນົດ ແລະ ຕ້ອງມີແຜ່ນຢາງປິດເພື່ອບໍ່ໃຫ້ເສດຝຸ່ນ, ໃບໄມ້ຕົກໃສ່
- ເວລາຖອກຢາງໃສ່ຖັງລົດໃຫ້ຍຕ້ອງມີຕາໜ່າງຂະໜາດຮູແມ່ນ 3 ມມ ມາຕອງທຸກຄັ້ງ, ແລະ ຈົດກ່າຍບັນທຶກທຸກຄັ້ງ, ຕິດຕາມປະລິມານຄຸນນະພາບຢາງແຕ່ລະເບີ, ແຕ່ລະຈຸ
- ຮັບປະກັນຄຸນນະພາບຂອງນ້ຳຢາງບໍ່ໃຫ້ມີສິ່ງເສດເຫຼືອປະປົນໃສ່ເຊັ່ນ: ເສດເປືອກທີ່ກົດ, ໃບໄມ້, ຕົນ, ຊາຍ, ຖົງຢາງ,
- ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 42: Vì sao công nhân phải thực hiện phân loại để riêng từng loại mù trước khi giao nộp mù cho Tổ/Đội?

- Để giữ được chất lượng của từng loại mù, góp phần thuận lợi phân loại nguyên liệu đầu vào chế biến và đảm bảo chất lượng mù thành phẩm sau sơ chế.
- Để công tác vận chuyển mù được dễ dàng và hiệu quả hơn.
- Để thuận tiện trong việc tính toán trả lương cho công nhân theo từng loại mù, nâng cao ý thức của công nhân trong việc bảo quản chất lượng mù từ nguồn nguyên liệu.
- Chỉ có câu a và c là đúng.

42. ເປັນຫຍັງກຳມະກອນຕ້ອງປະຕິບັດຈັດແບ່ງແຕ່ລະປະເພດຢາງໃນເວລາມອບຢາງໃຫ້ຫົວໜ້າຈຸ

- ເພື່ອຮັກສາໄດ້ຄຸນນະພາບຂອງຢາງແຕ່ລະປະເພດ, ສະດວກໃນການແຍກປະເພດຢາງໃນເວລາປຸງແຕ່ງ ແລະ ຮັບປະກັນຄຸນນະພາບຢາງຫຼັງຈາກປຸງແຕ່ງ
- ເພື່ອເຮັດໃຫ້ວຽກງານຂົນສົ່ງນ້ຳຢາງສະດວກ

ຄ. ເພື່ອສະດວກໃນການຄິດໄລ່ເງິນໃຫ້ແກ່ກຳມະກອນໃນແຕ່ລະປະເພດຢາງ, ຍົກລະດັບຄວາມຮັບພິຊອບຂອງກຳມະກອນ

ງ. ມີແຕ່ຂໍ້ ກ ແລະຂໍ້ ຄ ແມ່ນຖືກ

Câu hỏi 43: Vì sao phải sử dụng rây lọc mủ khi trút mủ từ thùng qua bồn chứa?

a. Để loại bỏ tạp chất, đảm bảo chất lượng mủ.

b. Để tăng hàm lượng DRC mủ nước.

c. Để hạn chế mủ bị đông.

d. Cả 03 câu trên đều đúng.

43. ເປັນຫຍັງຕ້ອງມີຕະແກງກອງຢາງທຸກຄັ້ງໃນເວລາທີ່ຖອກຢາງເຂົ້າຖັງລົດຂົນນໍ້າຢາງ

ກ. ເພື່ອກອງເອົາບໍ່ໃຫ້ສິ່ງເສດເຫຼືອຕົກໃສ່ ຮັບປະກັນຄຸນນະພາບຢາງ

ຂ. ເພື່ອເພີ່ມຄວາມເຂັ້ມ DRC ຂອງນໍ້າຢາງ

ຄ. ລົດຜ່ອນບໍ່ໃຫ້ຢາງກ້າມ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 44: Yêu cầu trong quá trình bảo quản và vận chuyển khi thu mủ đông?

a. Không sử dụng bao PP, PVC làm dụng cụ chứa, che đậy, lót sàn để mủ.

b. Phải phân loại, tách biệt từng loại mủ để dễ dàng nhận diện trong giao nhận.

c. Khi tồn trữ mủ phải tách riêng thời gian tiếp nhận, không lẫn lộn với nhau.

d. Cả 03 câu trên đều đúng.

44. ມາດຖານໃນຂະບວນການເກັບຮັກສາ ແລະ ຂົນສົ່ງຢາງກ້າມ ແມ່ນແນວໃດ

ກ. ບໍ່ໄ້ຊ້າກະສອບ pp, pvc ໃນການບັນຈຸຢາງ, ຮອງຢາງປົກຢາງ

ຂ. ຕ້ອງແຍກແຕ່ລະປະເພດຢາງເພື່ອສະດວກໃນການມອບຮັບຢາງ

ຄ. ໃນເວລາທອນໂຮມຢາງຕ້ອງແຍກເວລາຮັບ, ຢາງທີ່ໄດ້ຮັບກ່ອນແລະຫຼັງບໍ່ໃຫ້ປົນກັນ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 45: Để đảm bảo chất lượng giao nhận mủ đông phải làm như thế nào?

a. Từng công nhân phải thực hiện thu gom, phân loại mủ và tập hợp về trạm giao – nhận mủ.

b. Thực hiện công việc vệ sinh mủ đông thu gom ngoài vườn cây – loại bỏ các tạp chất có thể nhìn thấy được như: dăm cạo, lá cây, vỏ cây, côn trùng, sợi bao PP, PVC, kim loại, đất cát và các loại tạp chất khác.

c. Ghi nhận và sắp xếp trật tự từng loại mũ đã phân loại tại điểm giao nhận cho từng công nhân.

d. Cả 03 câu trên đều đúng.

45. ເພື່ອຮັບປະກັນຄຸນນະພາບໃນເວລາມອບຮັບຢາງກ້າມຕ້ອງເຮັດແນວໃດ

ກ. ກຳມະກອນແຕ່ລະຄົນແຍກແຕ່ລະປະເພດຢາງ ແລະ ລວມຢາງທີ່ຈຸດມອບຮັບຢາງ

ຂ. ຮັບປະກັນອາໄມຢາງບໍ່ໃຫ້ສິ່ງເສດເຫຼືອປະປົນເຊັ່ນ: ເສດເປືອກທີ່ກົດ, ໃບໄມ້, ດິນ, ຊາຍ, ຖົງຢາງ pp, pvc, ຫີນ ແລະ ອື່ນໆ

ຄ. ຈົດກ່າຍ ແລະ ຈັດວາງແຕ່ລະປະເພດຢາງທີ່ຈຸດມອບຮັບຢາງໃຫ້ແຕ່ລະຄົນ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 46: Vì sao khi trút mũ (thu mũ nước) phải sử dụng vét mũ?

a. Để vét tận thu hết mũ trong chén.

b. Để tăng hàm lượng DRC mũ nước.

c. Để hạn chế mũ đông sớm trong chén.

d. Cả 03 câu trên đều đúng.

46. ເປັນຫຍັງໃນເວລາກູ້ຢາງນ້ຳຕ້ອງໄຊ້ຂອງກວດຢາງ

ກ. ເພື່ອກວດເອົາໃຫ້ໝົດຢາງໃນຖ້ວຍ

ຂ. ເພື່ອເພີ່ມຄວາມເຂັ້ມ DRC ຢາງນ້ຳ

ຄ. ເພື່ອລົດຜ່ອນການກ້າມໃນຖ້ວຍ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 47: Yêu cầu kỹ thuật của dao cạo mũ?

a. Dao phải bén, sáng, sắc ngọt, đủ độ nghiêng áp má (góc dao) cho miệng cạo, mặt ngoài phải thẳng, lưỡi cắt phẳng đều, không bị mất góc dao.

b. Dao cạo phải có chất lượng thép tốt, được mài thường xuyên và vệ sinh sạch sẽ.

c. Phải có “nắp chụp dao” hoặc dụng cụ bảo vệ lưỡi dao an toàn.

d. Cả 03 câu trên đều đúng.

47. ຕາມຕິກນິກມິດກົດຢາງຕ້ອງໄດ້ມາດຖານແນວນໃດ

ກ. ມິດຕ້ອງຄົມ, ສະຫວ່າງ, ໄດ້ລະດັບງ່ຽງໃສ່ປາກກົດໜ້ານອກຕ້ອງຊີ້, ບໍ່ເສຍມຸມມິດ

ຂ. ມິດຕ້ອງມີເຫຼັກທີ່ແຂງແກ່ນ, ໄດ້ຮັບການຝົນເລື້ອຍໆ ແລະ ອະນາໄມສະອາດ

ຄ. ຕ້ອງມີຝາປິດມິດກົດຫຼືມີສິ່ງຂອງມາຫຸ້ມໄວ້ເພື່ອຄວາມປອດໄພ

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 48: Yêu cầu kỹ thuật chung của dụng cụ công nhân đi cạo hàng ngày?

- a. Phải vệ sinh dụng cụ thật sạch sẽ, không gây ảnh hưởng chất lượng mủ.
- b. Giỏ hoặc thùng đựng mủ phải có độ bền cao, dễ sử dụng, dễ dàng vệ sinh.
- c. Không sử dụng các loại giẻ lau bằng chất liệu vải có sợi PP (*poly propylene*).
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

48. ຕາມຕົກນິກວັດຖຸອຸປະກອນຂອງກຳມະກອນກົດຢາງທຸກມື້ມີມາດຖານແນວໃດແນ່

- ກ. ຕ້ອງອາໄມອຸປະກອນໃຫ້ສະອາດ, ບໍ່ເຮັດໃຫ້ສິ່ງຜົນສະທ້ອນເຖິງຄຸນນະພາບຂອງຢາງ
- ຂ. ຖັງອຸປະກອນບັນຈຸຢາງຕ້ອງມີຄວາມທົນທານ, ໄຊ້ງ່າຍ, ສະດວກໃນການອາໄມ.
- ຄ. ບໍ່ໄດ້ແພເຊັດລ້າງດ້ວຍແພທີ່ເຮັດດ້ວຍສານທີ່ມີ PP (*poly propylene*)

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 49: Thời điểm thực hiện khóa miệng cạo trước khi vườn cây nghỉ rụng lá sinh lý hoàn toàn?

- a. Sau khi tân thu hết mủ tap, mủ đất và làm vệ sinh phần cây.
- b. Sau phiên cạo cuối cùng trên từng phần cây.
- c. Làm đồng loạt theo lệnh của Tổ/ Đội trưởng.
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

49. ເວລາໃນການປົດປາກກົດກ່ອນທີ່ຈະພັກກົດເວລາໃບໄມ້ລົ້ນ?

- ກ. ຫຼັງຈາກທີ່ ເກັບກຳຮິບຮົມເອົາໃຫ້ໝົດບັນດາຢາງກຳມ, ຢາງຕົກດິນ ແລະ ອາໄມເບີກົດຂອງຕົນເອງ
- ຂ. ຫຼັງຈາກກົດສຸດທ້າຍຂອງແຕ່ລະເບີ
- ຄ. ເຮັດພ້ອມກັນທັງໝົດຕາມຄຳສັ່ງຂອງຫົວໜ້າຈຸ

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 50: Kỹ thuật khóa miệng cạo trước khi vườn cây nghỉ rụng lá sinh lý hoàn toàn?

- a. Bôi *vaselin* từ ranh hậu đến ranh tiền trên mặt vỏ tái sinh tiếp giáp miệng cạo với băng rộng 5 cm với nhịp độ cạo d3.
- b. Bôi *vaselin* từ ranh hậu đến ranh tiền trên mặt vỏ tái sinh tiếp giáp miệng cạo với băng rộng 4 cm với nhịp độ cạo d4.
- c. Bôi *vaselin* từ ranh hậu đến ranh tiền trên mặt vỏ tái sinh tiếp giáp miệng cạo với băng rộng 3 cm với nhịp độ cạo d2.
- d. Chỉ có câu a và b đúng.

50. ຕຶກນິກບົດປາກກົດກ່ອນທີ່ຈະຢຸດກົດໃນເວລາໃບໄມ້ລົ້ນ

- ກ. ທາຢາ vaselin ໃຫ້ປາກກົດ, ກັບຄວາມກ້າວ 5 ຊມ ກັບຈັງຫວະກົດ D3
- ຂ. ທາຢາ vaselin ໃຫ້ປາກກົດ, ກັບຄວາມກ້າວ 4 ຊມ ກັບຈັງຫວະກົດ D4
- ຄ. ທາຢາ vaselin ໃຫ້ປາກກົດ, ກັບຄວາມກ້າວ 3 ຊມ ກັບຈັງຫວະກົດ D2
- ງ. ມີແຕ່ຂໍ້ ກ ແລະ ຂໍ້ ຂ ແມ່ນຖືກຕ້ອງ

Câu hỏi 51: Trách nhiệm người công nhân trước khi nghỉ cạo trên vườn cây?

- a. Tích cực cạo để lấy sản lượng gỏi đầu cho kế hoạch sẽ nhận năm sau.
 - b. Vệ sinh phần cây cạo của mình, tân thu hết mù tap, mù đất. Gom kiềng, chén, máng làm vệ sinh sạch sẽ, cất giữ nơi an toàn. Quét don, gom lá, làm đường ngăn lửa chống cháy cho vườn cây.
 - c. Thu gom mù tap, mù đất, phòng chống cháy trong mùa khô cho vườn cây.
 - d. Bàn giao phần cây cho bảo vệ vườn cây để nghỉ cạo.
51. ວຽກທີ່ກ/ກົດຢາງຕ້ອງເຮັດທຸກໆປີກ່ອນຢຸດກົດແມ່ນຫຍັງ?

- ກ. ພະຍາຍາມກົດໃຫ້ໄດ້ນ້ຳຢາງຫຼາຍເພື່ອເປັນພື້ນຖານຍົກມາ ໃຫ້ແຜນການທີ່ໄດ້ຮັບໃນປີຕໍ່ມາ
- ຂ. ອານາໄມເບີກົດຂອງຕົນເອງ, ເກັບກຳຮິບຮົມເອົາໃຫ້ໝົດບັນດາຢາງກ້າມ, ຢາງຕົກດິນ, ທອ້ນໂຮມຄຽງ, ຖວ້ຍ, ຮາງ. ແຕ່ລະສະນິດຕ້ອງອານາໄມໃຫ້ສະອາດເກັບມຽນຮັກສາໃວ້ບ່ອນປອດໄພ, ປັດກວາດໃບຢາງ, ຕັດທາງສະກັດກັ້ນ ດ້ານໄພໃໝ່ໃຫ້ແກ່ສວນຢາງ
- ຄ. ເກັບກຳຮິບຮົມເອົາໃຫ້ໝົດບັນດາຢາງກ້າມ, ຢາງຕົກດິນ ແລະ ດ້ານໄພໃໝ່ໃນລະດູແລ້ງໃຫ້ແກ່ສວນຢາງ
- ງ. ມອບໝາຍເບີຢາງໃຫ້ປ້ອງກັນຮັກສາເພື່ອຈະໄດ້ພັກກົດຢາງ

Câu hỏi 52: Quy định chia phần cạo đối với vườn cây khai thác nhóm I từ năm thứ 2 với phương thức thu mù nước là:

- a. Ở vùng đất bằng là 600 – 650 cây cạo/phần.
- b. Ở vùng đất bằng là 700 – 750 cây cạo/phần..
- c. Ở vùng đất dốc $>15^\circ$ hoặc mật độ thưa là 500 – 550 cây cạo/phần.
- d. Cả đáp án a và c đều đúng.

52. ກຳນົດການແບ່ງສ່ວນເບີກົດສຳລັບສວນຢາງປະເພດ I ແຕ່ປີທີ 2 ດ້ວຍວິທີການເກັບຢາງນ້ຳ ຄື:

- ກ. ໃນພື້ນທີ່ດິນພຽງມີ 600 - 650 ຕົ້ນ/ສ່ວນ.
- ຂ. ໃນພື້ນທີ່ດິນພຽງມີ 700 - 750 ຕົ້ນ/ຕອນ..
- ຄ. ໃນພື້ນທີ່ດິນຄ້ອຍຊັນ $> 15^\circ$ ຫຼື ຄວາມໜາແໜ້ນຫ່າງແມ່ນ 500 - 550 ຕົ້ນ/ສ່ວນ.
- ງ. ທັງຂໍ້ ກ ແລະ ຂໍ້ ຄ ແມ່ນຖືກ.

Câu hỏi 53: Quy định chia phần cạo đối với vườn cây khai thác nhóm I từ năm thứ 2 với phương thức thu mủ đông là:

- a. Ở vùng đất bằng là 600 – 650 cây cạo/phần.
- b. Ở vùng đất bằng là 700 – 750 cây cạo/phần..
- c. Ở vùng đất dốc $>15^\circ$ hoặc mật độ thưa là 600 – 650 cây cạo/phần.
- d. Cả đáp án b và c đều đúng.

53. ກຳນົດການແບ່ງສ່ວນເບີກິດສຳລັບສວນຢາງປະເພດ I ແຕ່ປີທີ 2 ດ້ວຍວິທີການເກັບຢາງກ້າມ ຄື:

- ກ. ໃນພື້ນທີ່ດິນພຽງມີ 600 - 650 ຕົ້ນ/ສ່ວນ.
- ຂ. ໃນພື້ນທີ່ດິນພຽງມີ 700 - 750 ຕົ້ນ/ຕອນ..
- ຄ. ໃນພື້ນທີ່ດິນຄ້ອຍຊັນ $> 15^\circ$ ຫຼື ຄວາມໜາແໜ້ນຫ່າງແມ່ນ 600 - 650 ຕົ້ນ/ສ່ວນ.
- ງ. ທັງຂໍ້ ຂ ແລະຂໍ້ ຄ ແມ່ນຖືກ.

Câu hỏi 54: Quy định chia phần cạo đối với vườn cây khai thác nhóm III với phương thức thu mủ nước là:

- a. Ở vùng đất bằng là 250 – 300 cây cạo/phần.
- b. Ở vùng đất bằng là 300 – 350 cây cạo/phần..
- c. Ở vùng đất dốc $>15^\circ$ hoặc mật độ thưa là 220 – 250 cây cạo/phần.
- d. Cả đáp án a và c đều đúng.

54. ກຳນົດການແບ່ງສ່ວນເບີກິດສຳລັບສວນຢາງປະເພດ III ດ້ວຍວິທີການເກັບກູ້ຢາງນ້ຳ ຄື:

- ກ. ໃນພື້ນທີ່ດິນພຽງມີ 250 - 300 ຕົ້ນ/ສ່ວນ.
- ຂ. ໃນພື້ນທີ່ດິນພຽງມີ 300 - 350 ຕົ້ນ/ສ່ວນ.
- ຄ. ໃນພື້ນທີ່ດິນຄ້ອຍຊັນ $> 15^\circ$ ຫຼື ຄວາມໜາແໜ້ນຫ່າງແມ່ນ 220 - 250 ຕົ້ນ/ສ່ວນ.
- ງ. ທັງຂໍ້ ກ ແລະຂໍ້ ຄ ແມ່ນຖືກ.

Câu hỏi 55: Kỹ thuật bôi chất kích thích mủ trên vỏ tái sinh (Pa: Panel application) được thực hiện như thế nào?

- a. Dùng cọ số 8 hoặc bàn chải cải tiến có bề rộng 0,8 cm bôi một băng rộng 1 cm, mỏng đều trên vỏ tái sinh tiếp giáp với miệng cao.
- b. Dùng cọ số 10 hoặc bàn chải cải tiến có bề rộng 1 cm bôi một băng rộng 1 cm, mỏng đều trên vỏ tái sinh tiếp giáp với miệng cao.
- c. Dùng cọ số 8 hoặc bàn chải cải tiến có bề rộng 0,8 cm bôi một lớp mỏng đều ngay trên miệng cao.
- d. Dùng cọ số 10 hoặc bàn chải cải tiến có bề rộng 1 cm bôi một lớp mỏng đều ngay trên miệng cao.

55. ເຕັກນິກທາສານເລັ່ງຢາງໃສ່ເປືອກເກີດໃໝ່((Pa: Panel application) ຄືແນວໃດ?

ກ. ໃຊ້ຟອຍເບີ 8 ຫຼື ຟອຍແປງສີຟ້ນກວ້າງ 0.8ຊມ ທາກວ້າງ 1ຊມ ບາງສະເໝີເທິງເປືອກເກີດໃໝ່ແລະຕິດໄກ້ປາກກິດ

ຂ. ໃຊ້ຟອຍເບີ 10 ຫຼື ຟອຍແປງສີຟ້ນກວ້າງ 1ຊມ ທາກວ້າງ 1ຊມ ບາງສະເໝີເທິງເປືອກເກີດໃໝ່ແລະຕິດໄກ້ປາກກິດ

ຄ. ໃຊ້ຟອຍເບີ 8 ຫຼື ຟອຍແປງສີຟ້ນກວ້າງ 0.8ຊມ ທາບາງສະເໝີຊັ້ນດຽວເທິງປາກກິດ

ງ. ໃຊ້ຟອຍເບີ 10ຫຼື ຟອຍແປງສີຟ້ນກວ້າງ 1ຊມ ທາບາງສະເໝີຊັ້ນດຽວເທິງປາກກິດ

Câu hỏi 56: Kỹ thuật sử dụng thuốc kích thích mủ trên miệng cạo không bóc lớp mủ dây (La: Lace application) được thực hiện như thế nào?

a. Dùng cọ số 8 hoặc bàn chải cải tiến có bề rộng 0,8 cm bôi một băng rộng 1 cm, mỏng đều trên vỏ tái sinh tiếp giáp với miệng cạo.

b. Dùng cọ số 10 hoặc bàn chải cải tiến có bề rộng 1 cm bôi một băng rộng 1 cm, mỏng đều trên vỏ tái sinh tiếp giáp với miệng cạo.

c. Dùng cọ số 8 hoặc bàn chải cải tiến có bề rộng 0,8 cm bôi một lớp mỏng đều ngay trên đường miệng cạo.

d. Dùng cọ số 10 hoặc bàn chải cải tiến có bề rộng 1 cm bôi một lớp mỏng đều ngay trên miệng cạo.

56. ຕິກນິກທາສານເລັ່ງຢາງໃສ່ປາກກິດບໍ່ແກ້ຢາງເສັ້ນ(La: Lace application)ຄືແນວໃດ?

ກ. ໃຊ້ຟອຍເບີ 8 ຫຼື ຟອຍແປງສີຟ້ນກວ້າງ 0.8ຊມ ທາກວ້າງ 1ຊມ ບາງສະເໝີເທິງເປືອກເກີດໃໝ່ແລະປາກກິດ

ຂ. ໃຊ້ຟອຍເບີ 10 ຫຼື ຟອຍແປງສີຟ້ນກວ້າງ 1ຊມ ທາກວ້າງ 1ຊມ ບາງສະເໝີເທິງເປືອກເກີດໃໝ່ແລະປາກກິດ

ຄ. ໃຊ້ຟອຍເບີ 8 ຫຼື ຟອຍແປງສີຟ້ນກວ້າງ 0.8ຊມ ທານຶ່ງຊັ້ນສະເໝີເທິງປາກກິດ

ງ. ໃຊ້ຟອຍເບີ 10 ຫຼື ຟອຍແປງສີຟ້ນກວ້າງ 1ຊມ ທາກວ້າງ 1ຊມ ບາງສະເໝີເທິງປາກກິດ

Câu hỏi 57: Yêu cầu trình độ tay nghề đối với công nhân cạo mủ?

a. Phải qua một khóa đào tạo nghề (lý thuyết, thực hành) và đạt kết quả theo yêu cầu, có chứng chỉ từ loại khá trở lên.

b. Công nhân có trình độ văn hóa 12/12 đạt loại trung bình trở lên.

c. Công nhân có người nhà là lao động cạo mủ lâu năm.

d. Chỉ có câu a và b đúng.

57. ມາດຖານຂອງສີມືກຳມະກອນກິດຢາງແມ່ນ

ກ. ຕ້ອງຜ່ານການຝຶກອົບຮົມສີມືກິດຢາງ, (ທິດສະດີ ແລະ ຕົວຈິງ) ແລະ ໄດ້ຈັດໃນເກດ ດີຂຶ້ນໄປ

ຂ. ກຳມະກອນມີລະດັບການສຶດສາຂັ້ນ 12/12 ລະດັບປານກາງຂຶ້ນໄປ

ຄ. ກຳມະກອນມີ ພື້ນຖານເປັນແຮງງານກິດຢາງຫຼາຍປີ

ງ. ມີແຕ່ຂໍ້ ກ ແລະ ຂໍ້ ຂ ແມ່ນຖືກ

Câu hỏi 58: Tác dụng kích thích mủ để tăng sản lượng mủ nước thu hoạch thể hiện rõ nhất qua kết quả:

a. Kéo dài thời gian chảy mủ.

b. Tăng năng suất lao động cạo mủ.

c. Giảm tỷ lệ bệnh khô miệng cạo.

d. Tiết kiệm được lượng phân bón.

58. ການໃຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງເພື່ອເພີ່ມບໍລິມາດນ້ຳຢາງປະກົດໃຫ້ເຫັນຢ່າງຈະແຈ້ງແນວໃດ

ກ. ເວລາໄຫຼຂອງນ້ຳຢາງຫຼາຍຂຶ້ນ

ຂ. ເພີ່ມສະມັດຕະພາບຂອງແຮງງານ

ຄ. ຫຼຸດຜ່ອນເປີເຊັນປາກກົດແຫ້ງ

ງ. ປະຫຍດຝຸ່ນ

Câu hỏi 59: Để cây cao su đáp ứng tốt với thuốc kích thích mủ, cho sản lượng cao nhất nên bôi thuốc kích thích trước nhất cạo kế tiếp là bao lâu?

a. 12 – 24 giờ.

b. 24 – 48 giờ.

c. 48 – 72 giờ.

d. 72 – 96 giờ.

59. ເພື່ອເຮັດໃຫ້ກົກຢາງຕອບສະໜອງດີຕໍ່ສານເລັ່ງໃຫ້ນ້ຳຢາງຫຼາຍຄວນທາສານເລັ່ງກ່ອນກົດຕໍ່ໄປທີ່ໃດ
ຊົ່ວໂມງ

ກ. 12 — 24 ຊົ່ວໂມງ

ຂ. 24 — 48 ຊົ່ວໂມງ

ຄ. 48 - 72 ຊົ່ວໂມງ

ງ. 72 — 96 ຊົ່ວໂມງ

Câu hỏi 60: Số lần sử dụng thuốc kích thích mủ (nhịp độ bôi thuốc) phụ thuộc vào các yếu tố nào?

a. Tùy thuộc sự đáp ứng thuốc kích thích mủ của các dòng vô tính.

b. Tùy thuộc vào nhịp độ cao.

c. Tùy thuộc vào tuổi cao.

d. Cả 03 câu trên đều đúng.

60. ຈຳນວນຄັ້ງທີ່ໃຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງແມ່ນຂຶ້ນກັບປັດໃຈໃດແນ່

ກ. ຂຶ້ນກັບການຕອບສະໜອງຂອງແຕ່ລະແນວພັນຢາງ

ຂ. ຂຶ້ນກັບຈັງຫວະການກິດ

ຄ. ຂຶ້ນກັບອາຍຸກິດ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 61: Chọn phương pháp đúng nhất bôi thuốc kích thích áp dụng phổ biến cho miệng cao ngựa?

a. Pa : Bôi trên vỏ tái sinh sát miềng cao.

b. La : Bôi trên miệng cao không bóc mủ dầy.

c. Ba : Bôi trên lớp vỏ sau khi nạo lớp da me.

d. Ga : Bôi trên miệng cao sau khi bóc mủ.

61. ເລືອກຮູບການທີ່ຖືກຕ້ອງທີ່ສຸດໄຊ້ສານເລັ່ງສ່ວນຫຼາຍໄຊ້ກັບການກິດປາກຫງາຍ

ກ. Pa: ທາເທິງເປືອກເກີດໃໝ່ໄກ້ປາກກິດ

ຂ. La: ທາເທິງປາກກິດບໍ່ເອົາຢາງເສັ້ນ

ຄ. Ba: ທາເທິງເປືອກກິດ

ງ. Ga: ທາເທິງປາກຫຼັງຈາກເກັບກູ້

Câu hỏi 62: Chọn phương pháp đúng nhất bôi thuốc kích thích áp dụng phổ biến cho miệng cao úp?

a. Pa : Bôi trên vỏ tái sinh sát miệng cao.

b. La : Bôi trên miềng cao không bóc mủ dầy.

c. Ba : Bôi trên lớp vỏ sau khi nạo lớp da me.

d. Ga : Bôi trên miệng cao sau khi bóc mủ.

62. ເລືອກຮູບການທີ່ຖືກຕ້ອງທີ່ສຸດໄຊ້ສານເລັ່ງສ່ວນຫຼາຍໄຊ້ກັບການກິດປາກຂວ້າມ(ສຸງ)

ກ. Pa: ທາເທິງເປືອກເກີດໃໝ່ໄກ້ປາກກິດ

ຂ. La: ທາເທິງປາກກິດບໍ່ເອົາຢາງເສັ້ນ

ຄ. Ba: ທາເທິງເປືອກກິດ

ງ. Ga: ທາເທິງປາກຫຼັງຈາກເກັບກູ້

Câu hỏi 63: Tiêu chuẩn kỹ thuật vườn cây không được sử dụng kích thích mủ?

- Hàm lượng cao su khô (DRC) của vườn cây dưới 25%.
- Tỷ lệ cây khô mặt cạo toàn phần cao hơn lần kiểm kê trước đó >3% với vườn cao su khai thác nhóm I (chỉ cạo miệng ngựa trên vỏ nguyên sinh).
- Tỷ lệ cây khô mặt cạo toàn phần cao hơn lần kiểm kê trước đó >10% với vườn cao su khai thác nhóm II (cạo úp có kiểm soát).
- Cả 03 câu trên đều đúng.

63. ມາດຖານຂອງສວນຢາງບໍ່ໃຊ້ສານເລັ່ງຢາງແມ່ນແນວໃດ

- ປະລິມານຢາງແຫ້ງ (DRC) ຂອງສວນຢາງຕໍ່າກວ່າ 25%
- ອັດຕາປາກກິດແຫ້ງທົ່ວເບີກິດສູງກວ່າເວລາກວດນັບເທື່ອກ່ອນ >3% ກັບສວນຢາງເກັບກູ້ກຸ່ມ I (ມີແຕ່ກິດປາກຫງາຍເບື້ອງເກີດໃໝ່)
- ອັດຕາປາກກິດແຫ້ງທົ່ວເບີກິດສູງກວ່າເວລາກວດນັບເທື່ອກ່ອນ >10% ກັບສວນຢາງເກັບກູ້ກຸ່ມ II (ມີແຕ່ກິດປາກຂວ້າມ)

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 64: Các giải pháp sử dụng kích thích để tăng sản lượng mủ hiện nay?

- Dùng hóa chất có chứa hoạt chất *ethephon* bôi lên cây cao su.
- Cho cây cao su hấp thụ trực tiếp khí *ethylene*.
- Dùng tia laser kích thích lên cây cao su
- Chỉ có câu a và b là đúng.

64. ການນຳໃຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງເພື່ອເພີ່ມນ້ຳຢາງໃນປະຈຸບັນມີຫຍັງແນ່

- ໃຊ້ສານກະຕຸ້ນທີ່ມີ ສານ *ethephon* ທາໃສ່ກົກ
- ໃຫ້ກົກຢາງໄດ້ຮັບເຄມີ *ethylene* ໂດຍກົງ
- ໃຊ້ ຍິງ laser ເລັ່ງໃສ່ກົກໂດຍກົງ

ງ. ຂໍ້ ກ ແລະ ຂໍ້ ຂ ແມ່ນຖືກ

Câu hỏi 65: Hoạt chất ethephon có làm ảnh hưởng đến chất lượng gổ cao su?

- Còn đang nghiên cứu, chưa có khuyến cáo trong sản xuất gổ cao su.
- Ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng gổ cao su về màu sắc.
- Chỉ bị giảm chất lượng gổ khi sử dụng liên tục lâu dài.
- Không có ảnh hưởng đến chất lượng gổ cao su.

65. ທາດເຄມີ *ethephon* ມີຜົນກະທົບຕໍ່ຄຸນນະພາບຂອງໄມ້ຢາງບໍ່

- ກ. ຍັງຢູ່ໃນຊ່ວງສຶກສາຄົ້ນຄ້ວາ, ຍັງບໍ່ທັນມີການຕຳນິໃນການປຸງແຕ່ງໄມ້
- ຂ. ຜົນກະທົບຢ່າງໜັກເຖິງຄຸນນະພາບສີຂອງໄມ້
- ຄ. ພຽງແຕ່ລົດຜ່ອນຄຸນນະພາບຂອງໄມ້ ຫາກໄຊ້ສານເຄມີເປັນເວລາຍາວນານ
- ງ. ບໍ່ມີຜົນກະທົບຕໍ່ຄຸນນະພາບໄມ້

Câu hỏi 66: Yêu cầu về an toàn lao động (ATLĐ) khi sử dụng chất kích thích mủ trên vườn cây cao su?

- a. Tránh để chất kích thích mủ tiếp xúc với da và mắt.
- b. Khi bôi chất kích thích cho miệng cạo úp, phải mang kính phòng hộ.
- b. Tuyệt đối không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang bôi chất kích thích mủ.
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

66. ການໃຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງໃຫ້ມີຄວາມປອດໄພແຮງງານຕ້ອງເຮັດແນວໃດ

- ກ. ຫຼີກລ້ຽງໃຫ້ນ້ຳຢາງຖືກຜິວໜັງແລະຕາ
- ຂ. ເວລາທາສານເລັ່ງໃຫ້ແກ່ປາກກົດຂ້າມຕ້ອງໃສ່ແວ່ນຕາກັນ
- ຄ. ບໍ່ຄວນກິນ, ດື່ມ. ສຸບຢາ ໃນເວລາທາສານເລັ່ງ
- ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 67: Xử lý sơ cứu khi bị thuốc kích thích mủ dính vào da và rơi vào mắt khi đang thao tác bôi thuốc trên vườn cây?

- a. Chất kích thích mủ dính vào da phải rửa ngay bằng xà phòng và nước ấm.
- b. Chất kích thích mủ dính vào mắt phải rửa mắt ngay nhiều lần bằng nước sạch.
- c. Cần đưa ngay đến cơ sở y tế gần nhất để sơ cứu trong trường hợp có triệu chứng dị ứng hoặc tổn thương nhiều đến mắt hoặc vùng da bị dính.
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

67. ການປະຖິມພະຍາບານເບື້ອງຕົ້ນໃນເວລາທີ່ຖືກສານເລັ່ງເຂົ້າຕາ, ຖືກຜິວໜັງແລະນຕ້ອງເຮັດແນວໃດ

- ກ. ສານເລັ່ງຢາງຖືກຜິວໜັງຕ້ອງລ້າງດ້ວຍນ້ຳອຸ່ນສະອາດແລະສະບູທັນທີ
- ຂ. ສານເລັ່ງຢາງຖືກຕາຕ້ອງລ້າງຕາທັນທີຫຼາຍເທື່ອດ້ວຍນ້ຳສະອາດ
- ຄ. ຕ້ອງສົ່ງໂຮງໝໍທີ່ຢູ່ໄກ້ເພື່ອພະຍາບານເບື້ອງຕົ້ນ ແກ້ໄຂໃຫ້ທັນສະພາບ
- ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 68: Yêu cầu bảo quản thuốc kích thích mủ khi chưa sử dụng?

- a. Giữ trong mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tuân thủ hạn sử dụng ghi trên bao bì.
- b. Để nơi bảo quản riêng, kín đáo an toàn, nhiệt độ từ 20 – 30°C

c. Để ngoài phạm vị tiếp xúc với trẻ em.

d. Cả 03 câu trên đều đúng.

68. ການເກັບຮັກສາສານເລັ່ງນ້ຳຢາງແນວໃດ

ກ. ໄວ້ບ່ອນທີ່ຫິມເຢັນ, ຫຼີກລ້ຽງແສງແດດໂດຍກົງ ໄຊ້ຕາມຄໍາແນະນຳຕາມສະຫຼາກ

ຂ. ໄວ້ບ່ອນເກັບມີຽນພິເສດ, ປອດໄພ, ໃນອຸນນະພູມ ແຕ່ 20-30ອົງສາ

ຄ. ຫ່າງຈາກມືເດັກນ້ອຍ

ງ. ຖືກທັງສາມຂໍ້

Câu hỏi 69: Khi phát hiện cây bị khô mặt cạo (KMC), người công nhân cạo mủ sẽ xử lý như thế nào?

a. Đánh dấu và báo với Tổ/Đội trưởng, cán bộ kỹ thuật để có biện pháp xử lý.

b. Phải ngưng cạo và kiểm tra vùng khô mủ để cạo cách ly hoặc chuyển mặt cạo.

c. Bôi thuốc kích thích và tăng cường phân bón, rồi tiếp tục cạo.

d. Cả 03 câu trên đều đúng.

69. ເມື່ອພົບເຫັນກົກທີ່ຖືກປາກກົດແຫ້ງ, ກຳມະກອນກົດຢາງຕ້ອງເຮັດແນວໃດ

ກ. ໝາຍແລະລາຍງານໃຫ້ຫົວໜ້າຈຸ, ພະນັກງານຕົກນົກ ເພື່ອມີຮູບການແກ້ໄຂ

ຂ. ຕ້ອງຢຸດກົດ, ກວດກາບໍລິເວນແຫ້ງແລ້ວກົດບ່ອນອື່ນ

ຄ. ສືບຕໍ່ທາສານເລັ່ງ ແລະ ໃສ່ຝຸ່ນແລະ ສືບຕໍ່ກົດ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 70: Bệnh nào có cùng tác nhân gây bệnh với bệnh rụng lá mùa mưa?

a. Bệnh héo đen đầu lá.

b. Bệnh phấn trắng.

c. Bệnh nấm hồng.

d. Bệnh loét soc miêng cao.

70. ພະຍາດໃດທີ່ ມີສາຍເຫດດຽວກັນພະຍາດເຮັດໃຫ້ແກ່ໃບໄມ້ລົ້ນສວນທີ່ກົດຢາງຍາມຝົນ?

ກ. ຮ່ຽວດຳປາຍໃບໄມ້

ຂ. ເຫັດຂາວ

ຄ. ເຊື້ອລາ

ງ. ປາກກົດເປື້ອຍ

Câu hỏi 71: Yêu cầu “4 đúng” khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) có hiệu quả là gì?

- a. Đúng thuốc, đúng lúc, đúng cách, đúng nồng độ và liều lượng.
- b. Đúng thuốc, đúng liều, đúng giá, đúng quy định.
- c. Đúng đối tượng, đúng cách, đúng chỗ, đúng liều lượng và nồng độ.
- d. Đúng loại thuốc, đúng thời hạn, đúng cách, đúng liều lượng.

71. ລະບຽບ “4ຖືກ” ໃນເວລາໃຊ້ຢາປາບສັດຕູພືດໃຫ້ມີໝາກຜົນແມ່ນຫຍັງ

ກ. ໃຊ້ຖືກຢາ, ຖືກເວລາ, ຖືກວິທີ, ຖືກປະລິມານ ແລະ ບໍລິມາດ

ຂ. ໃຊ້ຖືກຢາ, ຖືກບໍລິມາດ, ຖືກລາຄາ, ຕາມກຳນົດ

ຄ. ໃຊ້ຖືກຄຸກລະນີ, ຖືກຈຸດ, ຖືກບ່ອນ, ຖືກຄວາມເຂັ້ມ ແລະ ບໍລິມາດ

ງ. ໃຊ້ຖືກປະເພດຢາ, ຖືກກຳນົດເວລາ, ຖືກວິທີ, ຖືກບໍລິມາດ

Câu hỏi 72: Để đảm bảo an toàn khi phun thuốc BVTV cần:

- a. Có trang bị đồ bảo hộ lao động; Không ăn uống và đặc biệt không hút thuốc lá khi đang phun thuốc.
- b. Kiểm tra bình phun, đảm bảo không rò rỉ thiết bị khi có áp lực áp lực không khí.
- c. Không được phun ngược chiều gió; Không để thuốc tiếp xúc với các bộ phận cơ thể người.
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

72. ເພື່ອຮັບປະກັນຄວາມປອດໄພໃນເວລາທີ່ຊີດຢາປາບສັດຕູພືດ

ກ. ໃສ່ຄີບຊຸດກຳມະກອນ, ບໍ່ກິນ, ດື່ມ ແລະ ບໍ່ສຸບຢາໃນເວລາກຳລັງຊີດຢາ

ຂ. ກວດກາຖັງຊີດ, ຮັບປະກັນບໍ່ຮົ່ວ,

ຄ. ບໍ່ຊີດຕ້ານທົດຂອງລົມ, ບໍ່ໃຫ້ຢາງຖືກພາກສ່ວນໃດຂອງຮ່າງກາຍ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 73: Ký hiệu trên bao bì của thuốc có dải băng màu đỏ kèm các ký hiệu là biểu thị mức độ độc hại của thuốc ở mức nào?

- a. Rất độc và độc cao.
- b. Độc trung bình.
- c. Độc nhẹ.
- d. Rất ít độc.

73. ສັນຍາລັກຢູ່ເທິງຖົງຢາຂີດສີແດງຍາວແມ່ນໝາຍຄວາມວ່າມີຄວາມອັນຕະລາຍຊໍ້າໃດ

ກ. ສຸດອັນຕະລາຍ ແລະ ພິດສຸງ

ຂ. ປານກາງ

ຄ. ເປົາ

ງ. ນອ້ຍສຸດ

Câu hỏi 74: Thành phần nào trong thuốc BVTV có tác dụng chính đối với đối tượng phòng – trị?

a. Hoạt chất

b. Phụ gia.

c. Dung môi.

d. Cả 3 câu trên đều đúng.

74. ສ່ວນປະກອບໃດໃນຢາປາບສັດຕູພືດມີສ່ວນໃນການປ້ອງກັນສັດຕູພືດເປັນຫຼັກ

ກ. ຊະນິດທາດເຄມີ

ຂ. ທາດເສີມເຄມີ

ຄ. ທາດປະສົມລວມ

ງ. ຖືກທັງສາມຂໍ້

Câu hỏi 75: Bệnh *Botryodiplodia.sp* gây hại nặng cho bộ phận nào của cây cao su kinh doanh?

a. Hệ thống mạch mủ trong thân cây từ gốc đến điểm phân cành (chàng 3).

b. Thân và cành có vỏ hóa nâu.

c. Mặt cao.

d. Rễ cây.

75. ພະຍາດ *Botryodiplodia.sp* ມີຜົນກະທົບໜັກໃຫ້ພາກສ່ວນໃດຂອງກົກຢາງ

ກ. ລະບົບລຳລຽງຢາງແຕ່ເທິງຈົນຮອດລຳຕົ້ນແລະຮອດກົງງ່າ

ຂ. ລຳຕົ້ນ ແລະ ງ່າເປືອກເປັນສີເທົາ

ຄ. ປາກກົດ

ງ. ຮາກ

Câu hỏi 76: Phun thuốc trị bệnh *Botryodiplodia.sp* vào mùa nào để đạt hiệu quả kinh tế cao nhất?

a. Đầu mùa mưa.

b. Mùa khô.

c. Mùa cao su thay lá.

d. Quanh năm.

76. ຊິດກັນພະຍາດ Botryodiplodia ໃນຍາມໃດຈຶ່ງໄດ້ຮັບຜົນດີ

ກ. ຕົ້ນລະດູຝົນ

ຂ. ແລ້ງ

ຄ. ໃບໄມ້ປ່ຽນໃບ

ງ. ຕະຫຼອດປີ

Câu hỏi 77: Vị trí phun phòng phần trắng trên vườn cao su kinh doanh để có hiệu quả cao?

a. Toàn bộ tán lá.

b. Tầng lá già.

c. Thân cây.

d. Quanh gốc cây.

77. ຈຸດທີ່ຈະຊິດເພື່ອຂ້າພະຍາດເຫັດຂາວໃຫ້ໄດ້ຜົນດີແມ່ນຈຸດໃດ

ກ. ຖິ້ວໃບໄມ້ເທິງກົກ

ຂ. ໃບແກ່

ຄ. ລໍາຕົ້ນ

ງ. ອ້ມກົກ

Câu hỏi 78: Vị trí gây hại chủ yếu của nấm *Corynespora* trên cây cao su?

a. Lá.

b. Cuống lá.

c. Chồi.

d. Cả 03 câu trên đều đúng.

78. ຈຸດທີ່ມັກເກີດ ພະຍາດເຊື້ອເຫັດ *Corynespora* ແມ່ນຈຸດໃດ

ກ. ໃບ

ຂ. ກົ່ງໃບ

ຄ. ຍອດ

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 79: Bệnh *Corynespora* thường xuất hiện, gây hại vào thời điểm nào?

a. Mùa mưa.

- b. Mùa khô.
- c. Mùa cao su thay lá.
- d. Quanh năm.

79. ພະຍາດ *Corynespora* ສ່ວນຫຼາຍແມ່ນມັກເກີດໃນຍາມໃດ

- ກ. ຍາມຝົນ
- ຂ. ຍາມແລ້ງ
- ຄ. ຍາມໃບໄມ້ປ່ຽນ
- ງ. ຕະຫຼອດປີ

Câu hỏi 80: Bệnh nào sau đây gây ảnh hưởng trực tiếp đến mặt cạo?

- a. Bệnh loét sọc mặt cạo.
- b. Bệnh khô mặt cạo
- c. Bệnh nứt vỏ thân, khô miệng cạo.
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

80. ພະຍາດໃດທີ່ສິ່ງຜົນກະທົບໃຫ້ປາກກົດ

- ກ. ປາກກົດເປືອ່ຍ
 - ຂ. ປາກຢາງແຫ້ງ
 - ຄ. ພະຍາດ ເບືອກແຕກ, ປາກກົດແຫ້ງ.
 - ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້
-

Bộ đề thi lý thuyết năm 2024 (80 câu)

ການສອບເສັງທິດສະດີສໍາລັບປີ 2024 (80 ຄໍາຖາມ)

(đính kèm công văn số 4918 /CSVN-QLKT ngày 30/9/2024)

(ຄັດຕິດເອກະສານເລກທີ: 4918/ຢພລວນ-ຄຄຕນ 30/9/2024)

Câu hỏi 01: Tiêu chuẩn vườn cao su bình thường được đưa vào cạo mủ:

- Cây cao su đạt tiêu chuẩn mở cạo gồm vanh thân đạt từ 50 cm trở lên, có độ dày vỏ từ 6 mm trở lên khi đo ở độ cao 1,0 m cách mặt đất.
- Lô cao su kiến thiết cơ bản có từ 50% trở lên số cây đạt tiêu chuẩn mở cạo.
- Vườn cây có trên 90% số cây đủ tiêu chuẩn mở cạo thì mở toàn bộ cây có vanh thân đạt từ 40 cm trở lên còn lại trong vườn.
- Cả 03 câu trên đều đúng.

1. ມາດຖານຂອງສວນຢາງທີ່ສາມາດເກັບກູ້ກິດຢາງໄດ້:

- ກິດທີ່ໄດ້ມາດຖານລວງຮອບແຕ່ 50 ເຊັ່ນ ຂຶ້ນໄປ ແລະ ຄວາມໜາຂອງເປືອກໃນລະດັບ ຄວາມສູງຈາກໜ້າດິນ 1 ແມັດ ຂຶ້ນໄປ ແມ່ນໃຫ້ໄດ້ 6 ມມ ຂຶ້ນໄປ.
- ຂ. ໃນລອກຢາງຕ້ອງມີກິດທີ່ໄດ້ມາດຖານ 50% ຂຶ້ນໄປ ຈຶ່ງສາມາດເກັບກູ້ໄດ້
- ຄ. ລອກທີ່ມີຈຳນວນຕົ້ນ ໄດ້ມາດຖານກວ່າ 90% ແມ່ນສາມາດເປີດກິດ ຕົ້ນມີລວງຮອບແຕ່ 40cm ຂຶ້ນໄປໃນສວນ.

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 02: Ý nghĩa của ký hiệu bảng cạo HO-4?

- Chữ H là ký hiệu bảng cạo cao (cạo úp).
- Chữ O là ký hiệu vỏ nguyên sinh.
- Số 4 là bảng cạo thứ 4 quy hoạch.
- Cả 03 câu trên đều đúng.

2. ຄວາມໝາຍສັນຍາລັກຂອງກະດານໜ້າກິດ HO-4 ແມ່ນຫຍັງ

- ໂຕ H ແມ່ນສັນຍາລັກກະດານກິດສູງ(ປາກກິດຂ້ວາມ)
- ໂຕ O ແມ່ນ ສັນຍາລັກເປືອກເດີມ
- ຄ. ເລກ 4 ແມ່ນກະດານກິດທີ 4 ທີ່ໄດ້ກຳນົດໄວ້

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 03: Ý nghĩa của ký hiệu bảng cạo BO-2?

- a. Cạo trên mặt cạo thấp (cạo ngựa), vỏ nguyên sinh, bảng cạo thứ 2.
- b. Cạo trên mặt cạo cao, vỏ nguyên sinh, bảng cạo thứ 2.
- c. Cạo trên mặt cạo thấp (cạo ngựa), vỏ nguyên sinh, năm cạo thứ 2.
- d. Cạo trên mặt cạo cao, vỏ tái sinh, bảng cạo thứ 2.

3. ຄວາມໝາຍສັນຍາລັກຂອງກະດານໜ້າກິດ BO-2 ແມ່ນຫຍັງ

- ກ. ກິດຢູ່ເທິງໜ້າກິດຕໍ່າ, ເປືອກເດີມກະດານກິດທີ 2
- ຂ. ກິດຢູ່ເທິງໜ້າກິດສູງ, ເປືອກເດີມ ໜ້າກິດທີ 2
- ຄ. ກິດຢູ່ເທິງໜ້າກິດຕໍ່າ, ເປືອກເດີມປີກິດທີ 2
- ງ. ກິດຢູ່ເທິງໜ້າກິດສູງ, ເປືອກເກີດໃໝ່ກະດານກິດທີ 2

Câu hỏi 04: Trong lớp vỏ của cây cao su, số lượng ống mủ tập trung nhiều nhất ở đâu?

- a. Lớp da me (biểu bì).
- b. Lớp da cát.
- c. Lớp da lua (vỏ mềm).
- d. Tầng tủy.

4. ໃນເປືອກຂອງກົກຢາງຈຳນວນທໍ່ນ້ຳຢາງມີຫຼາຍທີ່ສຸດຢູ່ຊັ້ນໃດ

- ກ. ຊັ້ນ ເປືອກນອກ
- ຂ. ຊັ້ນ ໜັງຊາຍ
- ຄ. ຊັ້ນໜັງອ່ອນ
- ງ. ຊັ້ນນ້ຳລຳລຽງ

Câu hỏi 05: Các yếu tố nào sau đây tác động đến dòng chảy mủ trên đường miệng cạo của cây cao su?

- a. Chênh lệch áp suất, sự bốc hơi nước, yếu tố gió và độ ẩm môi trường.
- b. Hàm lượng cao su trong mủ, khả năng huy động mủ.
- c. Yếu tố giống, kỹ thuật cạo và chế độ sử dụng kích thích mủ.
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

5. ດ້ວຍສາຍເຫດໃດທີ່ພາໃຫ້ ຜົນກະທົບເຖິງການໄຫຼຂອງນ້ຳຢາງຢູ່ປາກກິດຂອງກົກຢາງ

- ກ. ຄວາມດັນ, ມີການລະເຫີຍອາຍນ້ຳ, ປັດໄຈລົມພັດຜ່ານ ແລະ ຄວາມຊຸມຊື່ນຂອງສິ່ງແວດລ້ອມ
- ຂ. ຄວາມເຂັ້ມຂຸ້ນຂອງນ້ຳຢາງ, ຄວາມສາມາດເລັ່ງນ້ຳຢາງ

ຄ. ປັດໄຈແນວພັນ, ເຕັກນິກ ແລະ ລະບົບນໍາໃຊ້ສານເລັ່ງ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 6: Chế độ cạo là gì?

- a. Là số ngày cạo thực sự trong năm.
- b. Là cơ sở tính chi phí cạo mủ cho công nhân cạo mủ.
- c. Là quy định kết hợp áp dụng chiều dài miêng cạo, nhịp độ cạo và sử dụng chất kích thích mủ.
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

6. ລະບົບການກົດແມ່ນຫຍັງ ?

ກ. ແມ່ນຈຳນວນວັນກົດໃນປີ

ຂ. ເປັນພື້ນຖານໃນການຄ່າແຮງງານໃຫ້ກ/ກກົດຢາງ

ຄ. ແມ່ນການສົມທົບລະຫວ່າງ ລວງຍາວຂອງປາກກົດ. ຈັງຫວະກົດ ແລະ ນໍາໃຊ້ສານເລັ່ງນໍ້າຢາງ ໃນເວລາເກັບກູ້ຜົນຜະລິດ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 07: Tại sao không được cày giữa hàng (đường luống 6m) trong vườn cao su kinh doanh?

- a. Cày giữa hàng không có hiệu quả kinh tế.
- b. Việc cày giữa hàng dễ làm tổn thương hệ rễ hút dinh dưỡng cây cao su, tăng tỉ lệ khô miêng cạo.
- c. Khi cày giữa hàng sẽ làm ức chế khả năng cho mủ của cây cao su.
- d. Vì cày giữa hàng làm đứt rễ hút dinh dưỡng của cây và gây xói mòn đất.

7. ເປັນຫຍັງຈຶ່ງບໍ່ອະນຸຍາດໃຫ້ໄຖວ່າງກາງ(ແຖວ 6ແມດ)ໃນສວນຢາງທີ່ກໍາລັງເກັບກູ້

ກ. ໄຂວາງກາງກົກບໍ່ມີຜົນທາງດ້ານເສດຖະກິດ

ຂ. ການໄຖວ່າງກາງເຮັດໃຫ້ຮາກຂາດບໍ່ສາມາດດູດທາດບໍາລຸງໃຫ້ກົກຢາງ, ເພີ່ມເບີເຊັ່ນພະຍາດປາກກົດແຫ້ງ

ຄ. ເຮັດໃຫ້ກົກຢາງໃຫ້ນໍ້າຢາງໜ້ອຍ

ງ. ເຮັດໃຫ້ຮາກທີ່ດູດທາດບໍາລຸງຂາດ ແລະ ເຮັດໃຫ້ດິນເຈື່ອນ

Câu hỏi 08: Biện pháp làm cỏ giữa hàng cho vườn cao su kinh doanh?

- a. Sử dụng phương pháp cày lật đất để tận diệt hết mầm cỏ dại
- b. Kết hợp cơ giới và thủ công để kiểm soát cỏ dại có hiệu quả.
- c. Chỉ phát cỏ thủ công 01 lần/năm trong mùa mưa.
- d. Phát cỏ giữa hàng, giữ lại thảm dày từ 10 – 15 cm để chống xói mòn.

8. ການເສຍຫຍ້າວາງກາງສວນຢາງທີ່ກຳລັງເກັບກູ້ວອມວິທີໃດດີສຸດ

- ກ. ໄຊ້ຮູບການໄຖວາງກົກເພື່ອ ກຳຈັດຮາກຫຍ້າໄດ້ເດັດຂາດ
- ຂ. ສົມທົບ ລະຫວ່າງກົນຈັກແລະແຮງງານເພື່ອ ກຳຈັດຫຍ້າໄດ້ດີ
- ຄ. ມີແຕ່ຖາງຫຍ້າປີລະເທື່ອໃນຍາມຝົນ

ງ. ຖາງຫຍ້າວາງກາງກົກເພື່ອຮັກສາໄວ້ຄວາມສູງຂອງຫຍ້າແຕ່ 10-15 ຊມ ເພື່ອປ້ອງກັນການເຊາະເຈື່ອນ

Câu hỏi 09: Biện pháp làm cỏ hàng cho vườn cao su kinh doanh?

- a. Làm sạch cỏ cách mỗi bên cây cao su 1 m đối với đất bằng.
- b. Đối với đất dốc chỉ làm cỏ bồn xung quanh cách gốc cao su 1 m.
- c. Phần còn lại phát giữ thảm dày 10 – 15 cm.
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

9. ການເສຍຫຍ້າແຖວສວນຢາງທີ່ກຳລັງເກັບກູ້ແມ່ນວິທີໃດດີສຸດ

- ກ. ຖາງຫຍ້າໃຫ້ສະອາດກົກຢາງຂ້າງລະ 1 ແມດ ຖ້າເປັນດິນພຽງ
- ຂ. ທຽບກັບດິນຄ້ອຍແມ່ນເສຍແບບກົມມົນອອ້ມກົກ 1 ແມດ
- ຄ. ສ່ວນທີ່ຍັງເຫຼືອແມ່ນຖາງຫຍ້າປະໄວ້ 10-15 ຊມ

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 10: Tại sao phải đổi đầu cạo sau mỗi phiên cạo?

- a. Để các cây trong phần cao có thời gian chảy mủ tương đương nhau cho sản lượng mủ thu hoạch cao.
- b. Tạo điều kiện cho công nhân quản lý phần cây cạo của mình chặt chẽ hơn, dễ kiểm tra mủ bị mất cắp.
- c. Tránh cho cây cao su khô miệng cạo, kiểm soát và phòng tránh bệnh hại vườn cây.
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

10. ເປັນຫຍັງຕ້ອງປ່ຽນຫົວກົດໃນເວລາກົດຄັ້ງຕໍ່ໄປ ?

- ກ. ເພື່ອໃຫ້ຈຳນວນກົກຢາງຂອງເບີກົດມີເວລາໃຫ້ນ້ຳຢາງໄຫຼຢ່າງສະໝໍ່າສະເໝີ ເພື່ອໃຫ້ມີບໍລິມາດຫຼາຍ
- ຂ. ສ້າງເງື່ອນໄຂໃຫ້ກ/ກຸ່ມຄອງເບີກົດໄດ້ຮອບຄອບກວ່າ ແລະ ສາມາດກວດກາປະລິມານນ້ຳຢາງຖືກລັກ.
- ຄ. ຫຼີກລ້ຽງກົກຢາງປາກກົກແຫ້ງ ແລະ ປ້ອງກັນພະຍາດສິ່ງຜິດກະທົບເຖິງສວນຢາງ.

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 11: Để giải quyết tình trạng thiếu hụt lao động cạo mủ và tăng năng suất lao động cho công nhân, có thể chọn phương án nào sau đây?

- a. Áp dụng giảm nhịp độ cạo d4 với tần số kích thích mủ hợp lý, kết hợp sử dụng mái che mặt cạo và màng che chén hứng mủ.

b. Áp dụng phương pháp thu mủ đông tự nhiên, tăng số cây cạo trên phần (750 cây) và không cần thu mủ mỗi ngày, sử dụng chén hứng mủ dung tích lớn kết hợp các biện pháp che mưa.

c. Áp dụng chế độ cạo d3, tăng nhịp độ kính thích, giảm số cây trên phần cạo, tăng cường thu trút mủ nhiều lần.

d. Chỉ có câu trả lời a và b là đúng.

11. ເພື່ອແກ້ໄຂບັນຫາຂາດແຮງງານກົດຢາງ ແລະເພີ່ມສະມັດຕະຂອງກຳມະກອນຈຳເປັນຕ້ອງໃຊ້ຮູບການໃດ

ກ. ຫຼຸດຜ່ອນຈັງຫວະກົດ d4 ແລະ ໃຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງທີ່ເໝາະສົມ ລວມເຖິງການໃຊ້ແຜ່ນກັນຝົນໃຫ້ໜ້າກົດ ແລະ ຖ້ວຍບັນຈຸນ້ຳຢາງ.

ຂ. ນຳໃຊ້ການເກັບກູ້ປະຢາງກ້າມແບບທຳມະຊາດ, ເພີ່ມຈຳນວນກົກກົດເປັນ 750 ກົກ ແລະ ບໍ່ຈຳເປັນຕ້ອງເກັບກູ້ຢາງທຸກວັນ, ໃຊ້ຖວ້ຍຕິງຢາງຂະໜາດໃຫຍ່ກວ່າເກົ່າ ແລະ ໃຊ້ແຜ່ນກັນຝົນ

ຄ. ນຳໃຊ້ລະບົບກົດ d3 ເພີ່ມການເລັ່ງນ້ຳຢາງ ລົດຈຳນວນກົກກົດເກັບກູ້ຢາງຫຼາຍເທື່ອ

ງ. ມີ ແຕ່ ຂ້ ກ ແລະ ຂ້ ຂ ຖືກ

Câu hỏi 12: Sự tái sinh vỏ cạo phụ thuộc vào các yếu tố nào?

a. Điều kiện ngoại cảnh (khí hậu, thổ nhưỡng...) mật độ trồng và tình trạng bệnh hại

b. Đặc tính giống và điều kiện bón phân chăm sóc vườn cây.

c. Chế độ cạo và kỹ thuật cạo trên vườn cây.

d. Cả 03 câu đều đúng.

12. ການເກີດໃໝ່ຂອງເປືອກຢາງແມ່ນຂຶ້ນກັບປັດໃຈໃດແນ່

ກ. ສະພາບແວດລ້ອມ (ດິນຟ້າອາກາດ, ດິນ) ໄລຍະຫ່າງວ່າງກົກ ແລະ ສະພາບເປັນພະຍາດ

ຂ. ຈຸດພິເສດຂອງແນວພັນ, ການປົວລະບັດຮັກສາ ແລະ ໃສ່ຝຸ່ນ

ຄ. ລະບົບການກົດ ແລະ ເຕັກນິກການກົດ

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 13: Nếu mặt cạo bị ứ đọng do máng chắn mưa/mái che mưa bị rò rỉ thì người công nhân cạo mủ xử lý như thế nào?

a. Vẫn tiến hành cạo trên cây đó và không phải xử lý, gia cố.

b. Ngưng cạo trên cây đó, đánh dấu vị trí rò rỉ để xử lý, báo tổ trưởng và tổ chức gia cố ngay khi thời tiết thuận lợi, để đủ điều kiện cho nhát cạo tiếp theo.

c. Vẫn tiến hành cạo trên cây đó và đánh dấu vị trí rò rỉ để xử lý, gia cố khi thời tiết thuận lợi.

d. Ngưng cạo trên cây đó và cạo lại khi mặt cạo khô ráo, không phải xử lý, gia cố.

13. ຖ້າພື້ນຜິວທີ່ກົດປຽກເນື່ອງຈາກແນວກັນນ້ຳຝົນຮົ່ວໄຫຼ, ກຳມະກອນຜູ້ກົດຢາງ ຄວນຈັດການ ກັບມັນ ແນວໃດ?

ກ. ຍັງກົດຢູ່ເທິງດິນນັ້ນ ແລະ ບໍ່ຈຳເປັນຕ້ອງແກ້ໄຂ ຫຼື ຕໍ່ເຕີມ.

ຂ. ຢຸດການກົດຢາຕົ້ນນັ້ນ, ໝາຍຈຸດທີ່ຮົ່ວເພື່ອຈັດການແກ້ໄຂ, ລາຍງານຕໍ່ຫົວໜ້າຈຸ ແລະ ຈັດຕັ້ງການຕໍ່ເຕີມ ໃນທັນທີທີ່ສະພາບອາກາດເອື້ອອຳນວຍ ເພື່ອສາມາດດຳເນີນກົດຕໍ່ໄປ.

ຄ. ຍັງຄົງກົດຢາງຕົ້ນນັ້ນ ແລະ ຫມາຍບ່ອນທີ່ຮົ່ວໄຫລເພື່ອຈັດການແກ້ໄຂ ແລະ ຕໍ່ເຕີມໃນເວລາທີ່ ສະພາບ ອາກາດເອື້ອອຳນວຍ.

ງ. ຢຸດການກົດຢາງເທິງດິນນັ້ນ ແລະ ກົດອີກຄັ້ງເມື່ອພື້ນຜິວທີ່ກົດໄດ້ແຫ້ງ ແລະ ຍັງບໍ່ໄດ້ຮັບການຈັດການ ແກ້ ໄຂ ຫຼື ຕໍ່ເຕີມ.

Câu hỏi 14: Vì sao miệng cạo được thiết kế đúng độ dốc quy định xuống từ trái sang phải so với trục ngang?

a. Vì cắt được nhiều hệ thống mạch mủ nhất.

b. Vì yêu cầu của tư thế cạo mủ.

c. Vì truyền thống xưa để lại.

d. Cả 03 câu trên đều đúng.

14. ເປັນຫຍັງປາກກົດຈຶ່ງໄດ້ອອກແບບໃຫ້ຄອ້ຍລົງແຕ່ຊ້າຍຫາຂວາ

ກ. ຍ້ອນປາດໄດ້ທໍ່ນ້ຳຢາງຫຼາຍທີ່ສຸດ

ຂ. ຍ້ອນຄວາມຕ້ອງການຂອງທ່າກົດ

ຄ. ຍ້ອນມຸມເຊື້ອແຕ່ໃດມາ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 15: Vì sao khi thiết kế miệng cạo phối hợp úp ngửa cùng phía thì 02 miệng cạo phải cách ít nhất 30cm?

a. Để tránh bị chòng lún vùng huy đông mủ.

b. Để dễ dàng kiểm soát kỹ thuật từng miệng cạo.

c. Để hạn chế lây lan bệnh mắt cạo.

d. Để tiết kiệm vật tư trang bị cho cây cao su.

15. ເປັນຫຍັງຈຶ່ງອອກແບບປາກກົດຂວັນ, ຫງາຍ ເທິງໜ້າດຽວໄລຍະຫ່າງນ້ອຍສຸດແມ່ນ 30ຊມ

ກ. ເພື່ອຫຼີກລ້ຽງການໄຫຼທັບຊອ້ນກັນຂອງທໍ່ນ້ຳຢາງ

ຂ. ເພື່ອຄວາມສະດວກໃນການກວດກາເຕັກນິກປາກກົດ

ຄ. ເພື່ອລົດຜ່ອນການລະບາດພະຍາດປາກກິດ

ງ. ເພື່ອປະທັຍວັດຖຸອຸປະກອນໃນການຕິດຕັ້ງ

Câu hỏi 16: Quy định đối với cạo úp có kiểm soát, miệng Tiền được thiết kế cách mặt đất là bao nhiêu?

a. Từ 1,1m đến 1,3m.

b. Từ 1,3m đến 2m.

c. Từ 2m đến 3m.

d. Từ 3m trở lên.

16. ກຳນົດກ່ຽວກັບການກົດຂວ້າມມີການກວດກາປາກກິດແມ່ນໃຫ້ຫ່າງຈາກພື້ນດິນຈັກແມັດ

ກ. ແຕ່ 1.1ມ ຫາ 1.3ມ

ຂ. ແຕ່ 1.3ມ ຫາ 2ມ

ຄ. ແຕ່ 2ມ ຫາ 1.3ມ

ງ. ແຕ່ 3ມ ຂຶ້ນໄປ

Câu hỏi 17: Quy định dụng cụ thiết kế miệng cạo, bảng cạo trên cây cao su bao gồm những gì?

a. Thước cây thiết kế miệng cạo 1,5 m, móc rạch, dây 3 gút hoặc thước dây, thước đánh dấu hao dăm, rập miệng cạo ngửa 30° , rập miệng cạo úp 42° .

b. Thước cây thiết kế miệng cạo 1,5 m, móc rạch, dây 3 gút hoặc thước dây, thước đánh dấu hao dăm, rập miệng cạo ngửa 32° , rập miệng cạo úp 42° .

c. Thước cây thiết kế miệng cạo 1,5 m, móc rạch, dây 3 gút hoặc thước dây, thước đánh dấu hao dăm, rập miệng cạo ngửa 32° , rập miệng cạo úp 45° .

d. Thước cây thiết kế miệng cạo 1,5 m, móc rạch, dây 3 gút hoặc thước dây, thước đánh dấu hao dăm, rập miệng cạo ngửa 34° , rập miệng cạo úp 45° .

17. ກຳນົດອຸປະກອນໃນການອອກແບບປາກກິດກະດານກົດເທິງກົກມີຫຍັງແນ່

ກ. ໄມ້ບັນທັດກຳນົດຈຸດປາກກິດ 1.5ມ, ຂີດໝາຍ, ເຊືອກ 3ຂໍ້, ບັນທັດໝາຍເບື້ອງເບື້ອກ, ແທກປາກກິດຫງາຍ 30° , ແທກປາກກິດຂວ້າມ 42°

ຂ. ໄມ້ບັນທັດກຳນົດຈຸດປາກກິດ 1.5ມ, ຂີດໝາຍ, ເຊືອກ 3ຂໍ້, ບັນທັດໝາຍເບື້ອງເບື້ອກ, ແທກປາກກິດຫງາຍ 32° , ແທກປາກກິດຂວ້າມ 42°

ຄ. ໄມ້ບັນທັດກຳນົດຈຸດປາກກິດ 1.5ມ, ຂີດໝາຍ, ເຊືອກ 3ຂໍ້, ບັນທັດໝາຍເບື້ອງເບື້ອກ, ແທກປາກກິດຫງາຍ 32° , ແທກປາກກິດຂວ້າມ 45°

ງ. ໄມ້ໄມ້ບັນທັດກຳນົດຈຸດປາກກົດ 1.5ມ, ຂີດໝາຍ, ເຊືອກ3ຂໍ້, ບັນທັດໝາຍເບື້ອງເບື້ອກ, ແທກປາກກົດ ຫງາຍ 34°, ແທກປາກກົດຂວ້າມ 45°

Câu hỏi 18: Vì sao phải rập thiết kế miệng cạo hàng năm để chuẩn bị trước khi mở cạo đầu vụ?

- a. Vì cắt được nhiều mạch mủ nhất, duy trì năng suất sản lượng vườn cây.
- b. Vì yêu cầu tư thế cạo mủ, giúp công nhân dễ di chuyển, tăng năng suất lao động.
- c. Vì duy trì đúng độ dốc đường cạo theo quy định và đảm bảo quy hoạch vở cạo.
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

18. ເປັນຫຍັງຈຶ່ງຕ້ອງອອກແບບປາກກົດທຸກປີກ່ອນທີ່ຈະກົດຕົ້ນປີ

ກ. ຍອ້ນປາດໄດ້ທໍ່ນ້ຳຢາງຫຼາຍ

ຂ. ຄວາມຕ້ອງການຂອງທ່າກົດ

ຄ. ເພື່ອຮັກສາລະດັບຄອ້ຍຂອງທາງກົດຕາມຂໍ້ກຳນົດ ແລະ ຮັບປະກັນການຈັດສັນເບື້ອງເບື້ອກ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 19: Trong vườn cây cao su kinh doanh, mở cạo những cây có vanh thân từ 40cm đo cách mặt đất 1m khi nào?

- a. Vườn cây mới mới có trên 90% số cây đủ tiêu chuẩn mở cạo.
- b. Đầu năm thứ 3, mở cạo tất cả các cây có bề vòng thân trên 40 cm.
- c. Đầu năm thứ 4, mở cạo tất cả các cây có bề vòng thân trên 40 cm.
- d. Câu trả lời gồm cả a và b là đúng.

19. ໃນສວນຢາງທຸລະກິດ, ເປີດກົດສ່ວນກົກທີ່ມີລວງຮອບແຕ່ 40cm ຫ່າງຈາກພື້ນດິນ 1ມ

ກ. ລອກເປີດກົດທີ່ມີ ກວ່າ 90% ຈຳນວນກົກໄດ້ມາດຖານ ເປີດກົດ.

ຂ. ເພື່ອປົກກົດປີທີ 3 ເປີດກົດໃຫ້ໝົດຈຳນວນກົກທີ່ມີລວງຮອບເກີນ 40ຊມ

ຄ. ເພື່ອປົກກົດປີທີ 4 ເປີດກົດໃຫ້ໝົດຈຳນວນກົກທີ່ມີລວງຮອບເກີນ 40ຊມ

ງ. ຕອບທັງຂໍ້ ກ ແລະ ຂໍ້ ຂ ແມ່ນຖືກ

Câu hỏi 20: Vật tư trang bị cho cây cạo bao gồm:

- a. Kiềng, máng và chén hứng mủ.
- b. Máng chắn hoặc mái che mưa cho mặt cạo và chén hứng mủ.
- c. Máng đỡ dẫn mủ (miệng cạo úp) và dây dẫn mủ (cạo tận thu).
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

20. ວັດຖຸຮອງປະກອນທີ່ຕິດຕັ້ງໃຫ້ສວນຢາງລວມມີ

ກ. ເຫຼັກຮອງຖ້ວຍຢາງ, ຮາງລິນ, ຖ້ວຍຕົງນ້ຳຢາງ,

ຂ. ແຜ່ນຢາງກັນຝົນປາກກົດ ແລະ ຖວ້ຍຕົງຢາງ

ຄ. ແຜ່ນຢາງກັນຝົນ ແລະ ຝ້າຍລຳລຽງນ້ຳຢາງໂຕໆຢາງ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 21: Vì sao phải gắn máng chắn nước mưa hoặc mái che mặt cạo?

- a. Để ngăn và hạn chế nước mưa chảy từ trên tán lá xuống làm ẩm ướt mặt cạo.
- b. Để bảo vệ mặt cạo và miệng cạo không bị ẩm ướt, có thể cạo bình thường trong mùa mưa vào những ngày mưa nhỏ.
- c. Hạn chế thất thu sản lượng mủ trong mùa mưa.
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

21. ເປັນຫຍັງຈຶ່ງຕ້ອງຕິດຕັ້ງແຜ່ນຢາງກັນຝົນຫຼືແຜ່ນກັນປາກກົດ

- ກ. ເພື່ອກັນແລະ ລົດຜ່ອນນ້ຳຝົນແຕ່ເທິງໄຫຼລົງເຮັດໃຫ້ປາກກົດປຽກ
- ຂ. ປ່ອງກັນໜ້າກົດແລະປາກກົດບໍ່ໃຫ້ປຽກຊຸ່ມ.ອາດສາມາດກົດໄດ້ໃນຊ່ວງທີ່ຝົນແລະຍາມຝົນ
- ຄ. ລົດຜ່ອນການເສຍນ້ຳຢາງໃນຍາມຝົນ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 22: Kỹ thuật xả miệng cạo 03 nhát dao: cạo chuẩn, vạt nêm, hoàn chỉnh; yêu cầu ép má dao đến độ sâu quy định (lọt góc má dao cạo), tránh cạo phạm ở vị trí mở miệng cạo, áp dụng trên vườn cây nào?

- a. Vườn cây mới mới năm thứ nhất.
- b. Vườn cây năm đầu chuyển miệng lên bảng cạo BO-2.
- c. Vườn cây mở miệng cạo úp đầu tiên của các bảng cạo.
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

22. ຕິກນິກເປີດປາກກົດ 3ເທື່ອ: ກົດໄດ້ມາດຖານ, ຂົ່ມມືດກົດຊ້າໆຈົນເຖິງລະດັບເລິກຕາມກຳນົດ(ໃຫ້ເຂົ້າຕາມລະດັບຄວາມສູງຂອງມືດກົດ)ຫຼືກລ້ຽງກົດພາດຈຸດເປີດປາກກົດນຳໄຊໃນສວນຢາງໃດ

- ກ. ສວນຢາງເປີດກົດໃໝ່ປີທີ1
- ຂ. ສວນຢາງເປີດກົດໃໝ່ປີທີ1 ຍ້າຍປາກກົດຂຶ້ນເທິງສູງກົດ BO-2
- ຄ. ສວນເປີດປາກຂ້ວາມທຳອິດຂອງແຕ່ລະໜ້າກົດ

ງ. ຖືກທັງ 3ຂໍ້

Câu hỏi 23: Độ hao dăm cạo cho phép khi cạo xả mở miệng cạo lại (02 nhát) là bao nhiêu?

- a. tối thiểu 0,5cm

b. từ 0,5 – 1 cm

c. tối đa 2 cm

d. tối đa 3 cm

23. ຄວາມເປືອງຂອງເປືອກ ໃນເວລາເປີດປາກກິດ 2 ຄັ້ງ ແມ່ນອະນຸຍາດໄດ້ເທົ່າໃດ

ກ. ນ້ອຍສຸດ 0.5 ມມ

ຂ. ແຕ່ 0.5-1 ຊມ

ຄ. ສູງສຸດ 2 ຊມ

ງ. ສູງສຸດ 3 ຊມ

Câu hỏi 24: Tại sao phải cạo đúng độ sâu theo quy định?

a. Vì sẽ giữ được lớp libe để vận chuyển các chất đồng hóa tổng hợp từ tán lá xuống thân cây để tái tạo mủ.

b. Vì tránh làm hư hỏng tượng tầng, duy trì sự vận chuyển chất dinh dưỡng để tái tạo mủ và không gây sẹo, u lồi khi tái sinh vỏ.

c. Vì độ sâu quy định cho hiệu quả cao nhất khi cắt được nhiều nhất số lượng vòng ống mủ trong lớp da lụa (vỏ mềm) gần tượng tầng nhất có thể.

d. Cả 03 câu trả lời trên đều đúng.

24. ເປັນຫຍັງຈຶ່ງຕ້ອງກົດໃຫ້ໄດ້ລະດັບເລິກຕາມ ຕາມກຳນົດ

ກ. ເພື່ອຮັກສາໄດ້ຊັ້ນເປືອກ libe ທີ່ມີທໍ່ນໍ້າລຳລຽງຢ່າງແຕ່ໃບຈົນຮອດກົກ

ຂ. ເພື່ອຫຼີກລ້ຽງການເສຍຫາຍຂອງແຕ່ລະຊັ້ນເປືອກ, ຮັກສາການລຳລຽງທາດບຳລຸງເພື່ອສ້າງນໍ້າຢາງ ແລະ ບໍ່ເຮັດໃຫ້ເກີດແປ້ວໃນເວລາເປືອກເກີດໃໝ່

ຄ. ຍອ້ນລະດັບເລິກກຳນົດສະມັດຕະພາບສູງໃນເວລາທີ່ປາດໄດ້ທໍ່ລຳລຽງນໍ້າຢາງໃນຊັ້ນເປືອກຢ່າງອ່ອນ

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 25: Độ sâu cạo được quy định (cách tượng tầng) là bao nhiêu?

a. 1,0 mm – 1,3 mm.

b. 1,0 mm – 1,5 mm.

c. 1,1 mm – 1,3 mm.

d. 1,1 mm – 1,5 mm.

25. ລະດັບເລິກຂອງການກົດໄດ້ກຳນົດແມ່ນເທົ່າໃດ

ກ. 1.0 ມມ - 1.3 ມມ

ຂ. 1.0 ມມ - 1.5 ມມ

ຄ. 1.1 ມມ - 1.3 ມມ

ງ. 1.1mm - 1.5mm

Câu hỏi 26: Vì sao cạo cạo không thu được nhiều mủ?

- a. Vì đường cắt không phát huy được vùng huy động mủ.
- b. Vì khi cạo cạo sẽ không tạo đủ lực làm cho mủ chảy.
- c. Vì không cắt được nhiều mạch mủ tập trung ở vùng sát tương tầng.
- d. Chỉ có câu a và c là đúng.

26. ເປັນຫຍັງກິດຕື້ນຈຶ່ງບໍ່ເກັບກູ້ໄດ້ນ້ຳຢາງຫຼາຍ

- ກ. ຍ້ອນທາງກິດບໍ່ໄດ້ລ່າລຽງນ້ຳຢາງໄດ້
- ຂ. ຍ້ອນເວລາກິດຕື້ນຈະບໍ່ສ້າງແຮງດັນໃຫ້ນ້ຳຢາງໄຫຼ
- ຄ. ຍ້ອນຕັດບໍ່ໄດ້ຫຼາຍທໍ່ນ້ຳຢາງທີ່ລວມຕົວກັນຢູ່ເຂດໄກ້ຊິ້ນເບືອກລ່າລຽງ
- ງ. ມີແຕ່ຂໍ້ ກ ແລະ ຂໍ້ ຄ ຖືກ

Câu hỏi 27: Khi cạo chạm gỗ là cạo phạm, mức độ vết phạm như thế nào là vi phạm lỗi cạo phạm nặng?

- a. Chiều dài ≥ 5 mm, chiều rộng > 3 mm.
- b. Chiều dài ≥ 5 mm, chiều rộng < 3 mm.
- c. Chiều dài < 5 mm, chiều rộng > 3 mm.
- d. Chiều dài < 5 mm, chiều rộng < 3 mm.

27. ກິດຄົງແກ່ນໄມ້ແມ່ນກິດລະເມີດລະດັບຈຸດລະເມີດແນວໄດແມ່ນຫນັກ

- ກ. ຄາວມຍາວ ≥ 5 mm, ຄາວມກ້ວາງ > 3 mm
- ຂ. ຄາວມຍາວ ≥ 5 mm, ຄາວມກ້ວາງ < 3 mm
- ຄ. ຄາວມຍາວ < 5 mm, ຄາວມກ້ວາງ > 3 mm
- ງ. ຄາວມຍາວ < 5 mm, ຄາວມກ້ວາງ < 3 mm

Câu hỏi 28: Độ hao dăm cạo (hao vỏ cạo) được quy định cho miêng cạo ngựa khi cạo nhịp độ D3 là bao nhiêu?

- a. Hao dăm 1,1 mm – 1,3 mm/lần cạo, hao vỏ cạo tối đa 18 cm/năm.
- b. Hao dăm 1,1 mm – 1,5 mm/lần cạo, hao vỏ cạo tối đa 18 cm/năm.
- c. Hao dăm 1,2 mm – 1,6 mm/lần cạo, hao vỏ cạo tối đa 15 cm/năm.
- d. Hao dăm 1,5 mm – 3 mm/lần cạo, hao vỏ cạo tối đa 15 cm/năm.

28. ການກຳນົດໃຫ້ກິດເບືອງເບືອກຂອງການກິດຫຼາຍໃນການ D3 ແມ່ນເທົ່າໃດ

- ກ. ເບືອງແຕ່ 1.1mm - 1.3mm/ຄັ້ງ, ກິດເບືອງເບືອກສູງສຸດ 18ຊມ/ປີ
- ຂ. ເບືອງແຕ່ 1.1mm - 1.5mm/ຄັ້ງ, ກິດເບືອງເບືອກສູງສຸດ 18ຊມ/ປີ

ຄ. ເປືອງແຕ່ 1.2ມມ - 1.6ມມ/ຄັ້ງ, ກິດເປືອງເປືອກສູງສຸດ 15ຊມ/ປີ

ງ. ເປືອງແຕ່ 1.5ມມ - 3ມມ/ຄັ້ງ, ກິດເປືອງເປືອກສູງສຸດ 15ຊມ/ປີ

Câu hỏi 29: Độ hao dăm cạo (hao vỏ cạo) được quy định cho miệng cạo ngựa khi cạo nhịp độ d4 là bao nhiêu?

a. Hao dăm 1,1 mm – 1,3 mm/lần cạo, hao vỏ cạo tối đa 18 cm/năm.

b. Hao dăm 1,1 mm – 1,5 mm/lần cạo, hao vỏ cạo tối đa 18 cm/năm.

c. Hao dăm 1,2 mm – 1,6 mm/lần cạo, hao vỏ cạo tối đa 15 cm/năm.

d. Hao dăm 1,5 mm – 3 mm/lần cạo, hao vỏ cạo tối đa 15 cm/năm.

29. ການກຳນົດໃຫ້ກິດເປືອງເປືອກຂອງການກິດຫງາຍໃນການ D4 ແມ່ນເທົ່າໃດ

ກ. ເປືອງແຕ່ 1.1ມມ - 1.3ມມ/ຄັ້ງ, ກິດເປືອງເປືອກສູງສຸດ 18ຊມ/ປີ

ຂ. ເປືອງແຕ່ 1.1ມມ - 1.5ມມ/ຄັ້ງ, ກິດເປືອງເປືອກສູງສຸດ 18ຊມ/ປີ

ຄ. ເປືອງແຕ່ 1.2ມມ - 1.6ມມ/ຄັ້ງ, ກິດເປືອງເປືອກສູງສຸດ 15ຊມ/ປີ

ງ. ເປືອງແຕ່ 1.5ມມ - 3ມມ/ຄັ້ງ, ກິດເປືອງເປືອກສູງສຸດ 15ຊມ/ປີ

Câu hỏi 30: Độ hao dăm cạo (hao vỏ cạo) được quy định cho miệng cạo úp có kiểm soát khi cạo nhịp độ d3 là bao nhiêu?

a. Hao dăm không quá 2 mm/lần cạo và hao vỏ cạo tối đa 2,5 cm/tháng.

b. Hao dăm không quá 2 mm/lần cạo và hao vỏ cạo tối đa 3 cm/tháng.

c. Hao dăm không quá 2,2 mm/lần cạo và hao vỏ cạo tối đa 2,5 cm/tháng.

d. Hao dăm không quá 2,2 mm/lần cạo và hao vỏ cạo tối đa 3 cm/tháng.

30. ການກຳນົດໃຫ້ກິດເປືອງເປືອກຂອງການກິດຂ້າມມີການກວດກາໃນການກິດ D3 ແມ່ນເທົ່າໃດ

ກ. ເປືອງບໍ່ເກີນ 2ມມ/ຄັ້ງ ແລະ ກິດບໍ່ໃຫ້ເປືອງເປືອກສູງສຸດ 2.5ຊມ/ເດືອນ

ຂ. ເປືອງບໍ່ເກີນ 2ມມ/ຄັ້ງ ແລະ ກິດບໍ່ໃຫ້ເປືອງເປືອກສູງສຸດ 3ຊມ/ເດືອນ

ຄ. ເປືອງບໍ່ເກີນ 2.2ມມ/ຄັ້ງ ແລະ ກິດບໍ່ໃຫ້ເປືອງເປືອກສູງສຸດ 2.5ຊມ/ເດືອນ

ງ. ເປືອງບໍ່ເກີນ 2.2ມມ/ຄັ້ງ ແລະ ກິດບໍ່ໃຫ້ເປືອງເປືອກສູງສຸດ 3ຊມ/ເດືອນ

Câu hỏi 31: Độ hao dăm cạo (hao vỏ cạo) được quy định cho miệng úp có kiểm soát khi cạo nhịp độ d4 là bao nhiêu?

a. Hao dăm không quá 2 mm/lần cạo và hao vỏ cạo tối đa 2,5 cm/tháng.

b. Hao dăm không quá 2 mm/lần cạo và hao vỏ cạo tối đa 3 cm/tháng.

c. Hao dăm không quá 2,2 mm/lần cạo và hao vỏ cạo tối đa 2,5 cm/tháng.

d. Hao dăm không quá 2,2 mm/lần cạo và hao vỏ cạo tối đa 3 cm/tháng.

31. ການກຳນົດໃຫ້ກົດເບືອງເປືອກຂອງການກົດຂວ້າມມີການກວດກາໃນການກົດ D4 ແມ່ນເທົ່າໃດ

- ກ. ເບືອງບໍ່ເກີນ 2.2 ມມ/ຄັ້ງ ແລະ ກົດບໍ່ໃຫ້ເບືອງເບືອກສູງສຸດ 2.5 ຊມ/ເດືອນ
- ຂ. ເບືອງບໍ່ເກີນ 2.2 ມມ/ຄັ້ງ ແລະ ກົດບໍ່ໃຫ້ເບືອງເບືອກສູງສຸດ 3 ຊມ/ເດືອນ
- ຄ. ເບືອງບໍ່ເກີນ 2.2 ມມ/ຄັ້ງ ແລະ ກົດບໍ່ໃຫ້ເບືອງເບືອກສູງສຸດ 2.5 ຊມ/ເດືອນ
- ງ. ເບືອງບໍ່ເກີນ 2.2 ມມ/ຄັ້ງ ແລະ ກົດບໍ່ໃຫ້ເບືອງເບືອກສູງສຸດ 3 ຊມ/ເດືອນ

Câu hỏi 32: Vì sao không được cạo hụt hoặc vượt ranh hậu và ranh tiền trên mặt cạo của cây cao su?

- a. Cạo vượt ranh hậu và ranh tiền sẽ phá vỡ quy hoạch bản cạo.
- b. Cạo hụt ranh hậu và ranh tiền đường cạo ngắn cắt được ít vòng ống mủ, thu được sản lượng thấp.
- c. Cạo không đúng tuyến ranh hậu và ranh tiền sẽ không phát huy tối đa vùng huy động mủ, giảm sản lượng thu hoạch trên lần cạo.
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

32. ເປັນຫຍັງຈຶ່ງບໍ່ອະນຸຍາດໃຫ້ກົດບໍ່ຮອດຫຼືກ່າຍລ່ຽມໜ້າລ່ຽມຫຼັງຂອງໜ້າກົດ

- ກ. ກົດບໍ່ຮອດຫຼືກົດກ່າຍລ່ຽມໜ້າລ່ຽມຫຼັງຈະເຮັດໃຫ້ການຈັດສັນເບືອກກົດເສຍຫາຍ
- ຂ. ກົດບໍ່ຮອດຫຼືກົດກ່າຍລ່ຽມໜ້າລ່ຽມຫຼັງຈະເຮັດໃຫ້ຮອຍມົດກົດສິ້ນຕັດໄດ້ໜ້າຢາງໜ້ອຍເກັບກູ້ໄດ້ໜ້ອຍ
- ຄ. ກົດບໍ່ຖືກແດນລ່ຽມໜ້າລ່ຽມຫຼັງຈະບໍ່ໄດ້ແຫຼ່ງຜະລິດນ້ຳຢາງຫຼາຍແລະເກັບກູ້ໃນແຕ່ລະຄັ້ງໄດ້ໜ້ອຍ
- ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 33: Điều kiện thời tiết không thuận lợi nào sau đây có quy định phải tạm dừng tổ chức cạo mủ?

- a. Tạm dừng cạo khi nhiệt độ không khí trung bình dưới 15°C trong 3 ngày liên tiếp và cạo lại khi nhiệt độ trên 15°C .
- b. Tạm dừng cạo khi nhiệt độ không khí trung bình trên 40°C trong 5 ngày liên tiếp và tầng lá phía dưới chuyển vàng, rụng (ảnh hưởng hạn sinh lý đối với vườn cây trên vùng đồi), cạo lại khi nhiệt độ bình thường.
- c. Tạm dừng cạo trong điều kiện khí hậu bất thuận, khắc nghiệt kéo dài.
- d. Chỉ có câu a và b là đúng.

33. ສະພາບດິນຟ້າອາກາດແບບໃດທີ່ກຳນົດຈະຕ້ອງໃຫ້ຢຸດກົດ

- ກ. ຢຸດກົດໃນເມື່ອອຸນນະພູມສະເລ່ຍ ຕໍ່າກວ່າ 15°C ເປັນເວລາ 3 ມື້ ລຽນຕິດ ແລະ ກັບມາກົດຄືນເມື່ອ ອຸນນະພູມເກີນ 15°C

ຂ. ຢຸດກິດໃນເມື່ອອຸນນະພູມສະເລ່ຍ ເກີນກວ່າ 40°C ເປັນເວລາ 5 ມື້ ລຽນຕິດ ແລະ ຊັ້ນໃບໄມ້ເປັນສີເຫຼືອງ, ລົ່ນ(ຜົນກະທົບກໍ່ການຈະເລີນເຕີຍໂຕທຍບກັບສວນຢາງທີ່ຢູ່ເນີນສູງ)ກິດຄືນເມື່ອອຸນະພູມປົກກະຕິ

ຄ. ຢຸດກິດໃນກໍລະນີສະພາບອາກາດບໍ່ອ່ຳນວຍ, ແຫ້ງແລ້ງແກ່ຍາວ

ງ. ມີແຕ່ຂໍ້ ກ ແລະ ຂໍ້ ຂ ແມ່ນຖືກ

Câu hỏi 34: Tiêu chuẩn đường cạo đúng theo quy định?

a. Đường cạo phải đúng độ dốc quy định, có lòng máng, vuông tiền, vuông hậu, không lệch miệng, không vượt ranh và không lượn sóng.

b. Đường cạo phải đảm bảo đúng độ sâu và hao dăm quy định, đảm bảo lòng máng, vuông góc, không lệch miệng và lượn sóng, đúng ranh.

c. Đúng thiết kế lúc mở cạo.

d. Chỉ có câu b và c là đúng.

34. ມາດຕະຖານທາງກົດຖືກຕ້ອງຕາມກຳນົດແມ່ນແນວໃດ

ກ. ທາງກົດ: ຕ້ອງຖືກກັບລະດັບຄວາມຊັນຕາມກຳນົດ, ມີຮ່ອງ, ມຸມລ່ຽມໜ້າລ່ຽມຫຼັງ, ບໍ່ກາຍແດນ ແລະ ບໍ່ເປັນຄື້ນ.

ຂ. ຕ້ອງຮັບປະກັນຄວາມເລິກ ແລະ ເປືອງເປືອກກົດຕາມກຳນົດ, ຮັບປະກັນຮ່ອງກົດ, ມຸມລ່ຽມເທິງລ່ຽມລຸ່ມ, ບໍ່ເປັນຄື້ນ, ຖືກແດນ

ຄ. ຖືກຕາມການອອກແບບໃນເວລາເປີດປາກກົດ

ງ. ມີແຕ່ຂໍ້ ຂ ແລະ ຂໍ້ ຄ ແມ່ນຖືກຕ້ອງ

Câu hỏi 35: Vì sao miệng cạo phải đạt yêu cầu vuông tiền, vuông hậu?

a. Để phát huy tối đa vùng huy động mủ và thu được nhiều mủ hơn.

b. Để hạn chế việc khô mặt cạo cho cây cao su.

c. Giữ mặt cạo đẹp, kích thích tái sinh vỏ.

d. Cả 03 câu trên đều đúng.

35. ເປັນຫຍັງຕ້ອງກົດ ໃຫ້ໄດ້ມຸມລ່ຽມໜ້າ ລ່ຽມຫຼັງ?

ກ. ກົດໄດ້ມຸມລ່ຽມໜ້າ ລ່ຽມຫຼັງເປັນເງື່ອນໄຂທີ່ສາມາດລະດົມນ້ຳຢາງໄດ້ດີແລະ ໄດ້ຫຼາຍຂຶ້ນ

ຂ. ເພື່ອຫຼີກລ້ຽງບໍ່ໃຫ້ກົກຢາງຖືກປາກແຫ້ງ

ຄ. ເຮັດໃຫ້ປາກຢາງງາມ, ເລັ່ງການເກີດຂອງເປືອກ

ງ. ຜິດທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 36: Khi mở cây dặm thì độ cao cây mở dặm như thế nào?

a. Mở ở độ cao 1m cách mặt đất.

b. Mở ở độ cao 1,2m cách mặt đất.

- c. Mở ở độ cao 1,3m cách mặt đất.
- d. Mở cùng độ cao với miệng cao hiện tại của những cây đã mở cao trước.

36. ການເປີດປາກກິດຕື່ມກີກ ລະດັບສູງຂອງກີກກິດຕື່ມ ເປີດປາກກິດແນວໃດ

- ກ. ເປີດປາກກິດລະດັບສູງ 1ມ ຫ່າງຈາກພື້ນດິນ
- ຂ. ເປີດປາກກິດລະດັບສູງ 1,2ມ ຫ່າງຈາກພື້ນດິນ
- ຄ. ເປີດປາກກິດລະດັບສູງ 1,3ມ ຫ່າງຈາກພື້ນດິນ
- ງ. ເປີດປາກກິດລະດັບສູງເທົ່າກັບປາກກິດປະຈຸບັນຂອງກີກທີ່ກິດກ່ອນ

Câu hỏi 37: Đối với phương pháp thu mủ đông, yêu cầu công việc phải thực hiện trước và sau khi cạo mủ từng cây là gì?

- a. Trước khi cạo phải bóc mủ dây bỏ vào giỏ (túi đeo) đựng mủ tập.
- b. Cạo xong, dẫn mủ vào chén và kiểm tra lại má che chén, chén hứng mủ rồi mới qua cạo cây khác.
- c. Hướng đi cạo mủ trên hàng kế cận phải đảm bảo: khi đặt dao vào góc hậu cây chuẩn bị cạo phải quan sát được miệng tiền những cây trên hàng đã cạo trước. Lần cạo kế tiếp phải đổi đầu cạo hoặc đổi thứ tự cây cạo.
- d. Cả 03 câu trả lời trên đều đúng.

37. ຮູບການການເກັບກູ້ຢາງກ້າມ ກຳມະກອນຕ້ອງປະຕິບັດກ່ອນແລະຫຼັງກິດແຕ່ລະກີກມີຫຍັງແນ່

- ກ. ກ່ອນກິດຕ້ອງກູ້ຢາງເສັ້ນເອົາໃສ່ຄຸນອ້ຍ
- ຂ. ກິດແລ້ວໃຫ້ນ້ຳຢາງໄຫຼເຂົ້າຖ້ວຍ, ກວດກາຄືນແຜ່ນປົກຖວັຍ, ຖວັຍຕົງຢາງໃຫ້ທ່ຽງດີ ກ່ອນໄປກິດກີກຕໍ່ໄປ
- ຄ. ທິດທາງກິດຢາງແຖວຕໍ່ໄປຕ້ອງຮັບປະກັນ:ຕອນວາງມືດໃສ່ປາກກິດເທິງຕ້ອງແນມເຫັນປາກກິດລຸ່ມໃນກີກທີ່ໄດ້ກິດກ່ອນ, ກິດຄັ້ງຕໍ່ໄປຕ້ອງປ່ຽນເບື້ອງກິດ, ປ່ຽນກີກກິດ
- ງ. ຖືກທັງສາມຂໍ້

Câu hỏi 38: Đối với phương pháp thu mủ nước, yêu cầu công việc phải thực hiện trước và sau khi cạo mủ từng cây là gì?

- a. Trước khi cạo phải bóc mủ dây, mủ chén, sửa lại kiềng, máng, lau sạch chén và úp trên kiềng.
- b. Cạo xong, ngửa chén lên và dẫn mủ chảy vào chén rồi mới qua cạo cây khác.
- c. Hướng đi cạo mủ trên hàng kế cận phải đảm bảo: khi đặt dao vào góc hậu cây chuẩn bị cạo phải quan sát được miệng tiền những cây trên hàng đã cạo trước. Lần cạo kế tiếp phải đổi đầu cạo hoặc đổi thứ tự cây cạo.
- d. Cả 03 câu trả lời trên đều đúng.

38. ຮູບການການເກັບກູ້ຢາງນ້ຳ ກຳມະກອນຕ້ອງປະຕິບັດກ່ອນແລະຫຼັງກິດແຕ່ລະກົກມີຫຍັງແນ່

ກ. ກ່ອນກິດຕ້ອງດຶງເອົາຢາງເສັ້ນ, ຮອຍຢາງກ້າມຖວ້ຍ, ຈັດເຫຼັກຮອງຖວ້ຍ, ຮາງລິນ, ເຊັດຖ້ວຍແລະຂວ້າມຖ້ວຍປະເທິງຫຼັກຮອງ

ຂ. ກິດແລ້ວຫຼາຍຖ້ວຍຂຶ້ນໃຫ້ນ້ຳຢາງໄຫຼເຂົ້າຖວ້ຍຈຶ່ງຂ້າມໄປກິດກົກຕໍ່ໄປ

ຄ. ທິດທາງກິດຢາງແຖວຕໍ່ໄປຕ້ອງຮັບປະກັນ: ຕອນວາງມືດໃສ່ປາກກິດເທິງຕ້ອງແນມເຫັນປາກກິດລຸ່ມໃນກົກທີ່ໄດ້ກິດກ່ອນ, ກິດຄັ້ງຕໍ່ໄປຕ້ອງປ່ຽນເບື້ອງກິດ, ປ່ຽນກົກກິດ.

ງ. ຖືກທັງສາມຂໍ້

Câu hỏi 39: Khi cạo trên vườn cây nhóm III (vườn tận thu), phải cạo trên cành nhánh cao, muốn dẫn mủ vào chén phải làm như thế nào?

a. Dẫn mủ từ máng dẫn mủ xuống chén hứng mủ bằng dây dẫn.

b. Dẫn mủ từ máng dẫn mủ xuống chén hứng mủ bằng dây nylon chất liệu PP.

c. Dẫn mủ bằng cách rong một nương dài từ miệng cạo xuống máng dẫn vào chén.

d. Cả 03 câu trên đều đúng.

39. ເວລາກິດຢຸສວນຢາງປະເພດ III(ສວນຢາງທີ່ກຽມສະສາງ)ກິດເທິງງ່າທີ່ສູງ, ຫາກຕ້ອງການລຳລຽງນ້ຳຢາງຮອດຖວ້ຍຕ້ອງເຮັດແນວໃດ

ກ. ການລຳລຽງນ້ຳຢາງຮອດຖ້ວຍແມ່ນໄຊ້ ສາຍລຳລຽງລົງຮອດຖ້ວຍຕົງຢາງ

ຂ. ການລຳລຽງນ້ຳຢາງຮອດຖ້ວຍແມ່ນໄຊ້ ສາຍຢາງ PP ລົງຮອດຖ້ວຍຕົງຢາງ

ຄ. ດ້ວຍການກິດເປັນຮ່ອງຍາວແຕ່ປາກກິດຈົນຮອດຖ້ວຍຕົງຢາງ

ງ. ຖືກທັງສາມຂໍ້

Câu hỏi 40: Với vườn cao su kinh doanh mô hình thu mủ nước, sau khi cạo xong, lúc nào công nhân tiến hành trút mủ?

a. Khi nào cũng được, tùy sức khỏe công nhân cạo.

b. Khi có hiệu lệnh trút mủ của Tổ/Đội trưởng.

c. Khi trời sắp mưa hoặc chiều mát.

d. Khi mặt trời đứng bóng.

40. ໃນກໍລະນີສວນທີ່ເກັບກູ້ຢາງນ້ຳ, ພາຍຫຼັງກິດແລ້ວ ແມ່ນເວລາໃດກຳມະກອນໄປກູ້ຢາງ

ກ. ຍາມໃດກະໄດ້ຂຶ້ນກັບສຸຂະພາບຂອງກຳມະກອນກິດ

ຂ. ໃນເວລາມີຄໍາສັ່ງຂອງຫົວໜ້າຈຸ

ຄ. ໃນເວລາທີ່ຝົນກຳລັງຈະຕົກ

ງ. ໃນເວລາຕາເວັນແດດຈັດ

Câu hỏi 41: Để đảm bảo chất lượng mù nguyên liệu, công việc giao nhận mù nước phải được thực hiện như thế nào?

- Khi đổ mù nước từ thùng trút sang thùng chứa, phải dùng rây lọc mù với kích thước lỗ theo quy định và cần có màng phủ che đậy thùng để tránh vật lạ, lá cây lẫn vào mù.
- Khi đổ mù nước từ thùng chứa vào bồn của xe chở mù, phải có lưới lọc với kích thước lỗ 3 mm và có ghi nhận số liệu theo dõi sản lượng chất lượng mù từng phần cây, từng Tổ/Đội.
- Chất lượng mù nước phải đảm bảo chất lượng nguyên liệu đầu vào cho việc chế biến mù theo yêu cầu của từng đơn vị hoặc nơi thu mua, đặc biệt không để lẫn tạp chất (dăm cạo, lá, cành cây, cát, đất, bụi, vụn bao bì, vụn giẻ lau...)
- Cả 03 câu trên đều đúng.

41. ເພື່ອຮັບປະກັນຄຸນນະພາບ ຢາງນ້ຳຕົບ ຕ້ອງປະຕິບັດແນວໃດ

- ໃນເວລາຖອກນ້ຳຢາງແຕ່ຄຸກໃສ່ຖັງບັນຈຸຢາງ, ຕ້ອງນຳໄຊ້ຕະແກງຕອງທີ່ມີຮູຕາມທີ່ໄດ້ກຳນົດ ແລະ ຕ້ອງມີແຜ່ນຢາງປິດເພື່ອບໍ່ໃຫ້ເສດຝຸ່ນ, ໄປໄມ້ຕົກໃສ່
- ເວລາຖອກຢາງໃສ່ຖັງລົດໃຫຍ່ຕ້ອງມີຕາໜ່າງຂະໜາດຮູແມ່ນ 3mm ມາຕອງທຸກຄັ້ງ, ແລະ ຈົດກ່າຍບັນທຶກທຸກຄັ້ງ, ຕິດຕາມປະລິມານຄຸນນະພາບຢາງແຕ່ລະເບີ, ແຕ່ລະຈຸ
- ຮັບປະກັນຄຸນນະພາບຂອງນ້ຳຢາງບໍ່ໃຫ້ມີສິ່ງເສດເຫຼືອປະປົນໃສ່ເຊັ່ນ: ເສດເບືອກທີ່ກົດ, ໄປໄມ້, ດິນ, ຊາຍ, ຖົງຢາງ,
- ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 42: Vì sao công nhân phải thực hiện phân loại để riêng từng loại mù trước khi giao nộp mù cho Tổ/Đội?

- Để giữ được chất lượng của từng loại mù, góp phần thuận lợi phân loại nguyên liệu đầu vào chế biến và đảm bảo chất lượng mù thành phẩm sau sơ chế.
- Để công tác vận chuyển mù được dễ dàng và hiệu quả hơn.
- Để thuận tiện trong việc tính toán trả lương cho công nhân theo từng loại mù, nâng cao ý thức của công nhân trong việc bảo quản chất lượng mù từ nguồn nguyên liệu.
- Chỉ có câu a và c là đúng.

42. ເປັນຫຍັງກຳມະກອນຕ້ອງປະຕິບັດຈັດແບ່ງແຕ່ລະປະເພດຢາງໃນເວລາມອບຢາງໃຫ້ຫົວໜ້າຈຸ

- ເພື່ອຮັກສາໄດ້ຄຸນນະພາບຂອງຢາງແຕ່ລະປະເພດ, ສະດວກໃນການແຍກປະເພດຢາງໃນເວລາປຸງແຕ່ງ ແລະ ຮັບປະກັນຄຸນນະພາບຢາງຫຼັງຈາກປຸງແຕ່ງ
- ເພື່ອເຮັດໃຫ້ວຽກງານຂົນນ້ຳຢາງສະດວກ

ຄ. ເພື່ອສະດວກໃນການຄິດໄລ່ເງິນໃຫ້ແກ່ກຳມະກອນໃນແຕ່ລະປະເພດຢາງ, ຍົກລະດັບຄວາມຮັບພິຊອບຂອງ ກຳມະກອນ

ງ. ມີແຕ່ຂໍ້ ກ ແລະຂໍ້ ຄ ແມ່ນຖືກ

Câu hỏi 43: Vì sao phải sử dụng rây lọc mủ khi trút mủ từ thùng qua bồn chứa?

a. Để loại bỏ tạp chất, đảm bảo chất lượng mủ.

b. Để tăng hàm lượng DRC mủ nước.

c. Để hạn chế mủ bị đông.

d. Cả 03 câu trên đều đúng.

43. ເປັນຫຍັງຕ້ອງມີຕະແກງກອງຢາງທຸກຄັ້ງໃນເວລາທີ່ຖອກຢາງເຂົ້າຖັງລົດຂົນນໍ້າຢາງ

ກ. ເພື່ອກອງເອົາບໍ່ໃຫ້ສິ່ງເສດເຫຼືອຕົກໃສ່ ຮັບປະກັນຄຸນນະພາບຢາງ

ຂ. ເພື່ອເພີ່ມຄວາມເຂັ້ມ DRC ຂອງນໍ້າຢາງ

ຄ. ລົດຜ່ອນບໍ່ໃຫ້ຢາງກ້າມ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 44: Yêu cầu trong quá trình bảo quản và vận chuyển khi thu mủ đông?

a. Không sử dụng bao PP, PVC làm dụng cụ chứa, che đậy, lót sàn để mủ.

b. Phải phân loại, tách biệt từng loại mủ để dễ dàng nhận diện trong giao nhận.

c. Khi tồn trữ mủ phải tách riêng thời gian tiếp nhận, không lẫn lộn với nhau.

d. Cả 03 câu trên đều đúng.

44. ມາດຖານໃນຂະບວນການເກັບຮັກສາ ແລະ ຂົນສົ່ງຢາງກ້າມ ແມ່ນແນວໃດ

ກ. ບໍ່ໄ້ຊ້ກະສອບ pp, pvc ໃນການບັນຈຸຢາງ, ຮອງຢາງປົກຢາງ

ຂ. ຕ້ອງແຍກແຕ່ລະປະເພດຢາງເພື່ອສະດວກໃນການມອບຮັບຢາງ

ຄ. ໃນເວລາທອນໂຮມຢາງຕ້ອງແຍກເວລາຮັບ, ຢາງທີ່ໄດ້ຮັບກ່ອນແລະຫຼັງບໍ່ໃຫ້ປົນກັນ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 45: Để đảm bảo chất lượng giao nhận mủ đông phải làm như thế nào?

a. Từng công nhân phải thực hiện thu gom, phân loại mủ và tập hợp về trạm giao – nhận mủ.

b. Thực hiện công việc vệ sinh mủ đông thu gom ngoài vườn cây – loại bỏ các tạp chất có thể nhìn thấy được như: dăm cạo, lá cây, vỏ cây, côn trùng, sợi bao PP, PVC, kim loại, đất cát và các loại tạp chất khác.

c. Ghi nhận và sắp xếp trật tự từng loại mũ đã phân loại tại điểm giao nhận cho từng công nhân.

d. Cả 03 câu trên đều đúng.

45. **ເພື່ອຮັບປະກັນຄຸນນະພາບໃນເວລາມອບຮັບຢາງກ້າມຕ້ອງເຮັດແນວໃດ**

ກ. ກຳມະກອນແຕ່ລະຄົນແຍກແຕ່ລະປະເພດຢາງ ແລະ ລວມຢາງທີ່ຈຸດມອບຮັບຢາງ

ຂ. ຮັບປະກັນອານາໄມຢາງບໍ່ໃຫ້ສິ່ງເສດເຫຼືອປະປົນເຊັ່ນ: ເສດເປືອກທີ່ກົດ, ໃບໄມ້, ດິນ, ຊາຍ, ຖົງຢາງ pp, pvc, ຫີນ ແລະ ອື່ນໆ

ຄ. ຈົດກ່າຍ ແລະ ຈັດວາງແຕ່ລະປະເພດຢາງທີ່ຈຸດມອບຮັບຢາງໃຫ້ແຕ່ລະຄົນ

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 46: Vì sao khi trút mũ (thu mũ nước) phải sử dụng vét mũ?

a. Để vét tận thu hết mũ trong chén.

b. Để tăng hàm lượng DRC mũ nước.

c. Để hạn chế mũ đông sớm trong chén.

d. Cả 03 câu trên đều đúng.

46. **ເປັນຫຍັງໃນເວລາກັ່ງຢາງນ້ຳຕ້ອງໃຊ້ຂອງກວດຢາງ**

ກ. ເພື່ອກວດເອົາໃຫ້ໝົດຢາງໃນຖ້ວຍ

ຂ. ເພື່ອເພີ່ມຄວາມເຂັ້ມ DRC ຢາງນ້ຳ

ຄ. ເພື່ອລົດຜ່ອນການກ້າມໃນຖ້ວຍ

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 47: Yêu cầu kỹ thuật của dao cạo mũ?

a. Dao phải bén, sáng, sắc ngọt, đủ độ nghiêng áp má (góc dao) cho miệng cạo, mặt ngoài phải thẳng, lưỡi cắt phẳng đều, không bị mất góc dao.

b. Dao cạo phải có chất lượng thép tốt, được mài thường xuyên và vệ sinh sạch sẽ.

c. Phải có “nắp chụp dao” hoặc dụng cụ bảo vệ lưỡi dao an toàn.

d. Cả 03 câu trên đều đúng.

47. **ຕາມຕຶກນິກມິດກົດຢາງຕ້ອງໄດ້ມາດຖານແນວນໃດ**

ກ. ມິດຕ້ອງຄົມ, ສະຫວ່າງ, ໄດ້ລະດັບງ່ຽງໃສ່ປາກກົດໜ້ານອກຕ້ອງຊີ້, ບໍ່ເສຍມຸມມິດ

ຂ. ມິດຕ້ອງມີເຫຼັກທີ່ແຂງແກ່ນ, ໄດ້ຮັບການຝົນເລື້ອຍໆ ແລະ ອະນາໄມສະອາດ

ຄ. ຕ້ອງມີຝາປິດມິດກົດຫຼືມີສິ່ງຂອງມາຫຸ້ມໄວ້ເພື່ອຄວາມປອດໄພ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 48: Yêu cầu kỹ thuật chung của dụng cụ công nhân đi cạo hàng ngày?

- a. Phải vệ sinh dụng cụ thật sạch sẽ, không gây ảnh hưởng chất lượng mủ.
- b. Giỏ hoặc thùng đựng mủ phải có độ bền cao, dễ sử dụng, dễ dàng vệ sinh.
- c. Không sử dụng các loại giỏ lau bằng chất liệu vải có sợi PP (*poly propylene*).
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

48. ຕາມຕົກນິກວັດຕຸອຸປະກອນຂອງກຳມະກອນກົດຢາງທຸກມື້ມີມາດຖານແນວໃດແນ່

- ກ. ຕ້ອງອາໄມອຸປະກອນໃຫ້ສະອາດ, ບໍ່ເຮັດໃຫ້ສິ່ງຜົນສະທ້ອນເຖິງຄຸນນະພາບຂອງຢາງ
- ຂ. ຖືງອຸປະກອນບັນຈຸຢາງຕ້ອງມີຄວາມທົນທານ, ໄຊ້ງ່າຍ, ສະດວກໃນການອາໄມ.
- ຄ. ບໍ່ໄ້ຊຸ້ແພເຊັດລ້າງດ້ວຍແພທີ່ເຮັດດ້ວຍສານທີ່ມີ PP (*poly propylene*)

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 49: Thời điểm thực hiện khóa miệng cạo trước khi vườn cây nghỉ rụng lá sinh lý hoàn toàn?

- a. Sau khi tân thu hết mủ tap, mủ đất và làm vệ sinh phần cây.
- b. Sau phiên cạo cuối cùng trên từng phần cây.
- c. Làm đồng loạt theo lệnh của Tổ/ Đội trưởng.
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

49. ເວລາໃນການປິດປາກກົດກ່ອນທີ່ຈະພັກກົດເວລາໃບໄມ້ລົ້ນ?

- ກ. ຫຼັງຈາກທີ່ ເກັບກຳຮິບຮົມເອົາໃຫ້ໝົດບັນດາຢາງກ້າມ, ຢາງຕົກດິນ ແລະ ອາໄມເບີກົດຂອງຕົນເອງ
- ຂ. ຫຼັງຈາກກົດສຸດທ້າຍຂອງແຕ່ລະເບີ
- ຄ. ເຮັດພ້ອມກັນທັງໝົດຕາມຄຳສັ່ງຂອງຫົວໜ້າຈຸ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 50: Kỹ thuật khóa miệng cạo trước khi vườn cây nghỉ rụng lá sinh lý hoàn toàn?

- a. Bôi vaselin từ ranh hậu đến ranh tiền trên mặt vỏ tái sinh tiếp giáp miệng cạo với băng rộng 5 cm với nhịp độ cạo d3.
- b. Bôi vaselin từ ranh hậu đến ranh tiền trên mặt vỏ tái sinh tiếp giáp miệng cạo với băng rộng 4 cm với nhịp độ cạo d4.
- c. Bôi vaselin từ ranh hậu đến ranh tiền trên mặt vỏ tái sinh tiếp giáp miệng cạo với băng rộng 3 cm với nhịp độ cạo d2.
- d. Chỉ có câu a và b đúng.

50. ຕືກນຶກປິດປາກກິດກ່ອນທີ່ຈະຢຸດກິດໃນເວລາໃບໄມ້ລົ້ນ

- ກ. ທາຢາ vaselin ໃຫ້ປາກກິດ, ກັບຄວາມກ້ວາງ 5 ຊມ ກັບຈັງຫວະກິດ D3
- ຂ. ທາຢາ vaselin ໃຫ້ປາກກິດ, ກັບຄວາມກ້ວາງ 4 ຊມ ກັບຈັງຫວະກິດ D4
- ຄ. ທາຢາ vaselin ໃຫ້ປາກກິດ, ກັບຄວາມກ້ວາງ 3 ຊມ ກັບຈັງຫວະກິດ D2
- ງ. ມີແຕ່ຂໍ້ ກ ແລະ ຂໍ້ ຂ ແມ່ນຖືກຕ້ອງ

Câu hỏi 51: Trách nhiệm người công nhân trước khi nghỉ cạo trên vườn cây?

- a. Tích cực cạo để lấy sản lượng gói đầu cho kế hoạch sẽ nhận năm sau.
- b. Vệ sinh phần cây cao của mình, tận thu hết mù tap, mù đất. Gom kiềng, chén, máng làm vệ sinh sạch sẽ, cất giữ nơi an toàn. Quét dọn, gom lá, làm đường ngăn lửa chống cháy cho vườn cây.
- c. Thu gom mù tap, mù đất, phòng chống cháy trong mùa khô cho vườn cây.
- d. Bàn giao phần cây cho bảo vệ vườn cây để nghỉ cạo.

51. ວຽກທີ່ກ/ກກິດຢ່າງຕ້ອງເຮັດທຸກໆປີກ່ອນຢຸດກິດແມ່ນຫຍັງ?

- ກ. ພະຍາຍາມກິດໃຫ້ໄດ້ນ້ຳຢ່າງຫຼາຍເພື່ອເປັນພື້ນຖານຍົກມາ ໃຫ້ແຜນການທີ່ໄດ້ຮັບໃນປີຕໍ່ມາ
- ຂ. ອານາໄມເບີກິດຂອງຕົນເອງ, ເກັບກຳຮິບຮົມເອົາໃຫ້ໝົດບັນດາຢາງກ້າມ, ຢາງຕົກດິນ, ທອ້ນໂຮມຄຽງ, ຖວ້ຍ, ຮາງ. ແຕ່ລະສະນິດຕ້ອງອານາໄມໃຫ້ສະອາດເກັບມຽນຮັກສາໃວ້ບ່ອນປອດໄພ, ປັດກວາດໃບຢາງ, ຕັດທາງສະກັດກັ້ນ ດ້ານໄພໃໝ່ໃຫ້ແກ່ສວນຢາງ
- ຄ. ເກັບກຳຮິບຮົມເອົາໃຫ້ໝົດບັນດາຢາງກ້າມ, ຢາງຕົກດິນ ແລະ ດ້ານໄພໃໝ່ໃນລະດູແລ້ງໃຫ້ແກ່ສວນຢາງ
- ງ. ມອບໝາຍເບີຢາງໃຫ້ປອ້ງກັນຮັກສາເພື່ອຈະໄດ້ພັກກິດຢາງ

Câu hỏi 52: Quy định chia phần cạo đối với vườn cây khai thác nhóm I từ năm thứ 2 với phương thức thu mủ nước là:

- a. Ở vùng đất bằng là 600 – 650 cây cạo/phần.
- b. Ở vùng đất bằng là 700 – 750 cây cạo/phần..
- c. Ở vùng đất dốc $>15^\circ$ hoặc mật độ thưa là 500 – 550 cây cạo/phần.
- d. Cả đáp án a và c đều đúng.

52. ກຳນົດການແບ່ງສ່ວນເບີກິດສຳລັບສວນຢາງປະເພດ I ແຕ່ປີທີ 2 ດ້ວຍວິທີການເກັບຢາງນ້ຳ ຄື:

- ກ. ໃນພື້ນທີ່ດິນພຽງມີ 600 - 650 ຕົ້ນ/ສ່ວນ.
- ຂ. ໃນພື້ນທີ່ດິນພຽງມີ 700 - 750 ຕົ້ນ/ຕອນ..
- ຄ. ໃນພື້ນທີ່ດິນຄ້ອຍຊັນ $> 15^\circ$ ຫຼື ຄວາມໜາແໜ້ນຫ່າງແມ່ນ 500 - 550 ຕົ້ນ/ສ່ວນ.
- ງ. ທັງຂໍ້ ກ ແລະ ຂໍ້ ຄ ແມ່ນຖືກ.

Câu hỏi 53: Quy định chia phần cạo đối với vườn cây khai thác nhóm I từ năm thứ 2 với phương thức thu mủ đông là:

- a. Ở vùng đất bằng là 600 – 650 cây cạo/phần.
- b. Ở vùng đất bằng là 700 – 750 cây cạo/phần..
- c. Ở vùng đất dốc $>15^\circ$ hoặc mật độ thưa là 600 – 650 cây cạo/phần.
- d. Cả đáp án b và c đều đúng.

53. ภาวนาดการแบ่งส่วนเบียดสําลับสวนยางพะเขต I แตบเบียด 2 ดัวยวธการเกบยางกําม ถ:

- ก. ในพืชนําดินพยางม 600 - 650 ถึน/สํวน.
- ข. ในพืชนําดินพยางม 700 - 750 ถึน/ตอน..
- ค. ในพืชนําดินถํอยชัน $> 15^\circ$ ถึ ถวามหนาแตชนํางมํน 600 - 650 ถึน/สํวน.
- ง. ທັງຂໍ້ ข ແລະຂໍ້ ค ແມ່ນຖືກ.

Câu hỏi 54: Quy định chia phần cạo đối với vườn cây khai thác nhóm III với phương thức thu mủ nước là:

- a. Ở vùng đất bằng là 250 – 300 cây cạo/phần.
- b. Ở vùng đất bằng là 300 – 350 cây cạo/phần..
- c. Ở vùng đất dốc $>15^\circ$ hoặc mật độ thưa là 220 – 250 cây cạo/phần.
- d. Cả đáp án a và c đều đúng.

54. ภาวนาดการแบ่งส่วนเบียดสําลับสวนยางพะเขต III ดัวยวธการเกบรกัยางนํ้า ถ:

- ก. ในพืชนําดินพยางม 250 - 300 ถึน/สํวน.
- ข. ในพืชนําดินพยางม 300 - 350 ถึน/สํวน.
- ค. ในพืชนําดินถํอยชัน $> 15^\circ$ ถึ ถวามหนาแตชนํางมํน 220 - 250 ถึน/สํวน.
- ง. ທັງຂໍ້ ก ແລະຂໍ້ ค ແມ່ນຖືກ.

Câu hỏi 55: Kỹ thuật bôi chất kích thích mủ trên vỏ tái sinh (Pa: Panel application) được thực hiện như thế nào?

- a. Dùng cọ số 8 hoặc bàn chải cải tiến có bề rộng 0,8 cm bôi một băng rộng 1 cm, mỏng đều trên vỏ tái sinh tiếp giáp với miêng cao.
- b. Dùng cọ số 10 hoặc bàn chải cải tiến có bề rộng 1 cm bôi một băng rộng 1 cm, mỏng đều trên vỏ tái sinh tiếp giáp với miêng cạo.
- c. Dùng cọ số 8 hoặc bàn chải cải tiến có bề rộng 0,8 cm bôi một lớp mỏng đều ngay trên miêng cạo.
- d. Dùng cọ số 10 hoặc bàn chải cải tiến có bề rộng 1 cm bôi một lớp mỏng đều ngay trên miêng cạo.

55. ເຕັກນິກທາສານເລັ່ງຢາງໃສ່ເປືອກເກີດໃໝ່((Pa: Panel application) ຄືແນວໃດ?

ກ. ໃຊ້ຟອຍເບີ 8 ຫຼື ຟອຍແປງສີຟ້ນກວ້າງ 0.8ຊມ ທາກວ້າງ 1ຊມ ບາງສະເໝີເທິງເປືອກເກີດໃໝ່ແລະຕິດໄກ້ປາກກິດ

ຂ. ໃຊ້ຟອຍເບີ 10 ຫຼື ຟອຍແປງສີຟ້ນກວ້າງ 1ຊມ ທາກວ້າງ 1ຊມ ບາງສະເໝີເທິງເປືອກເກີດໃໝ່ແລະຕິດໄກ້ປາກກິດ

ຄ. ໃຊ້ຟອຍເບີ 8 ຫຼື ຟອຍແປງສີຟ້ນກວ້າງ 0.8ຊມ ທາບາງສະເໝີຊັ້ນດຽວເທິງປາກກິດ

ງ. ໃຊ້ຟອຍເບີ 10ຫຼື ຟອຍແປງສີຟ້ນກວ້າງ 1ຊມ ທາບາງສະເໝີຊັ້ນດຽວເທິງປາກກິດ

Câu hỏi 56: Kỹ thuật sử dụng thuốc kích thích mủ trên miệng cạo không bóc lớp mủ dây (La: Lace application) được thực hiện như thế nào?

a. Dùng cọ số 8 hoặc bàn chải cải tiến có bề rộng 0,8 cm bôi một băng rộng 1 cm, mỏng đều trên vỏ tái sinh tiếp giáp với miệng cạo.

b. Dùng cọ số 10 hoặc bàn chải cải tiến có bề rộng 1 cm bôi một băng rộng 1 cm, mỏng đều trên vỏ tái sinh tiếp giáp với miệng cạo.

c. Dùng cọ số 8 hoặc bàn chải cải tiến có bề rộng 0,8 cm bôi một lớp mỏng đều ngay trên đường miệng cạo.

d. Dùng cọ số 10 hoặc bàn chải cải tiến có bề rộng 1 cm bôi một lớp mỏng đều ngay trên miệng cạo.

56. ຕິກນິກທາສານເລັ່ງຢາງໃສ່ປາກກິດບໍ່ແກ້ຢາງເສັ້ນ(La: Lace application)ຄືແນວໃດ?

ກ. ໃຊ້ຟອຍເບີ 8 ຫຼື ຟອຍແປງສີຟ້ນກວ້າງ 0.8ຊມ ທາກວ້າງ 1ຊມ ບາງທສະເໝີເທິງເປືອກເກີດໃໝ່ແລະປາກກິດ

ຂ. ໃຊ້ຟອຍເບີ 10 ຫຼື ຟອຍແປງສີຟ້ນກວ້າງ 1ຊມ ທາກວ້າງ 1ຊມ ບາງທສະເໝີເທິງເປືອກເກີດໃໝ່ແລະປາກກິດ

ຄ. ໃຊ້ຟອຍເບີ 8 ຫຼື ຟອຍແປງສີຟ້ນກວ້າງ 0.8ຊມ ທານຶ່ງຊັ້ນສະເໝີເທິງປາກກິດ

ງ. ໃຊ້ຟອຍເບີ 10 ຫຼື ຟອຍແປງສີຟ້ນກວ້າງ 1ຊມ ທາກວ້າງ 1ຊມ ບາງສະເໝີເທິງປາກກິດ

Câu hỏi 57: Yêu cầu trình độ tay nghề đối với công nhân cạo mủ?

a. Phải qua một khóa đào tạo nghề (lý thuyết, thực hành) và đạt kết quả theo yêu cầu, có chứng chỉ từ loại khá trở lên.

b. Công nhân có trình độ văn hóa 12/12 đạt loại trung bình trở lên.

c. Công nhân có người nhà là lao động cạo mủ lâu năm.

d. Chỉ có câu a và b đúng.

57. ມາດຖານຂອງສີມືກຳມະກອນກິດຢາງແມ່ນ

ກ. ຕ້ອງຜ່ານການຝຶກອົບຮົມສີມືກິດຢາງ.(ທິດສະດີ ແລະ ຕົວຈິງ) ແລະ ໄດ້ຈັດໃນເກດ ດີຂຶ້ນໄປ

ຂ. ກຳມະກອນມີລະດັບການສຶດສາຂັ້ນ 12/12 ລະດັບປານກາງຂຶ້ນໄປ

ຄ. ກຳມະກອນມີ ພື້ນຖານແຮງງານກິດຢາງຫຼາຍປີ

ງ. ມີແຕ່ຂໍ້ ກ ແລະ ຂໍ້ ຂ ແມ່ນຖືກ

Câu hỏi 58: Tác dụng kích thích mủ để tăng sản lượng mủ nước thu hoạch thể hiện rõ nhất qua kết quả:

a. Kéo dài thời gian chảy mủ.

b. Tăng năng suất lao động cạo mủ.

c. Giảm tỷ lệ bệnh khô miệng cạo.

d. Tiết kiệm được lượng phân bón.

58. ການໃຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງເພື່ອເພີ່ມບໍລິມາດນ້ຳຢາງປະກົດໃຫ້ເຫັນຢ່າງຈະແຈ້ງແນວໃດ

ກ. ເວລາໄຫຼຂອງນ້ຳຢາງຫຼາຍຂຶ້ນ

ຂ. ເພີ່ມສະມັດຕະພາບຂອງແຮງງານ

ຄ. ຫຼຸດຜ່ອນເປີເຊັນປາກກົດແຫ້ງ

ງ. ປະຫຍດຝຸ່ນ

Câu hỏi 59: Để cây cao su đáp ứng tốt với thuốc kích thích mủ, cho sản lượng cao nhất nên bôi thuốc kích thích trước nhất cạo kế tiếp là bao lâu?

a. 12 – 24 giờ.

b. 24 – 48 giờ.

c. 48 – 72 giờ.

d. 72 – 96 giờ.

59. ເພື່ອເຮັດໃຫ້ກົກຢາງຕອບສະໜອງດີຕໍ່ສານເລັ່ງໃຫ້ນ້ຳຢາງຫຼາຍຄວນທາສານເລັ່ງກ່ອນກົດຕໍ່ໄປທີ່ໃດ
ຊົ່ວໂມງ

ກ. 12 – 24 ຊົ່ວໂມງ

ຂ. 24 – 48 ຊົ່ວໂມງ

ຄ. 48 - 72 ຊົ່ວໂມງ

ງ. 72 – 96 ຊົ່ວໂມງ

Câu hỏi 60: Số lần sử dụng thuốc kích thích mủ (nhịp độ bôi thuốc) phụ thuộc vào các yếu tố nào?

a. Tùy thuộc sự đáp ứng thuốc kích thích mủ của các dòng vô tính.

b. Tùy thuộc vào nhịp độ cao.

c. Tùy thuộc vào tuổi cao.

d. Cả 03 câu trên đều đúng.

60. **ຈຳນວນຄັ້ງທີ່ໃຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງແມ່ນຂຶ້ນກັບປັດໃຈໃດແນ່**

ກ. ຂຶ້ນກັບການຕອບສະໜອງຂອງແຕ່ລະແນວພັນຢາງ

ຂ. ຂຶ້ນກັບຈັງຫວະການກິດ

ຄ. ຂຶ້ນກັບອາຍຸກິດ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 61: Chọn phương pháp đúng nhất bôi thuốc kích thích áp dụng phổ biến cho miệng cạo ngựa?

a. Pa : Bôi trên vỏ tái sinh sát miệng cao.

b. La : Bôi trên miệng cạo không bóc mủ dầy.

c. Ba : Bôi trên lớp vỏ sau khi nạo lớp da me.

d. Ga : Bôi trên miệng cạo sau khi bóc mủ.

61. **ເລືອກຮູບການທີ່ຖືກຕ້ອງທີ່ສຸດໃຊ້ສານເລັ່ງສ່ວນຫຼາຍໄຊ້ກັບການກິດປາກຫງາຍ**

ກ. Pa: ທາເທິງເປືອກເກີດໃໝ່ໄກ້ປາກກິດ

ຂ. La: ທາເທິງປາກກິດບໍ່ເອົາຢາງເສັ້ນ

ຄ. Ba: ທາເທິງເປືອກກິດ

ງ. Ga: ທາເທິງປາກຫຼັງຈາກເກັບກູ້

Câu hỏi 62: Chọn phương pháp đúng nhất bôi thuốc kích thích áp dụng phổ biến cho miệng cạo úp?

a. Pa : Bôi trên vỏ tái sinh sát miệng cạo.

b. La : Bôi trên miệng cao không bóc mủ dầy.

c. Ba : Bôi trên lớp vỏ sau khi nạo lớp da me.

d. Ga : Bôi trên miệng cạo sau khi bóc mủ.

62. **ເລືອກຮູບການທີ່ຖືກຕ້ອງທີ່ສຸດໃຊ້ສານເລັ່ງສ່ວນຫຼາຍໄຊ້ກັບການກິດປາກຂວ້າມ(ສຸງ)**

ກ. Pa: ທາເທິງເປືອກເກີດໃໝ່ໄກ້ປາກກິດ

ຂ. La: ທາເທິງປາກກິດບໍ່ເອົາຢາງເສັ້ນ

ຄ. Ba: ທາເທິງເປືອກກິດ

ງ. Ga: ທາເທິງປາກຫຼັງຈາກເກັບກູ້

Câu hỏi 63: Tiêu chuẩn kỹ thuật vườn cây không được sử dụng kích thích mủ?

- Hàm lượng cao su khô (DRC) của vườn cây dưới 25%.
- Tỷ lệ cây khô mặt cạo toàn phần cao hơn lần kiểm kê trước đó >3% với vườn cao su khai thác nhóm I (chỉ cạo miệng ngựa trên vỏ nguyên sinh).
- Tỷ lệ cây khô mặt cạo toàn phần cao hơn lần kiểm kê trước đó >10% với vườn cao su khai thác nhóm II (cạo úp có kiểm soát).
- Cả 03 câu trên đều đúng.

63. ມາດຖານຂອງສວນຢາງບໍ່ໃຊ້ສານເລັ່ງຢາງແມ່ນແນວໃດ

- ປະລິມານຢາງແຫ້ງ (DRC) ຂອງສວນຢາງຕໍ່າກວ່າ 25%
- ອັດຕາປາກກິດແຫ້ງທົ່ວເບີກິດສູງກວ່າເວລາກວດນັບເທື່ອກ່ອນ >3% ກັບສວນຢາງເກັບກູ້ກຸ່ມ I (ມີແຕ່ກິດປາກຫງາຍເປືອກເກີດໃໝ່)
- ອັດຕາປາກກິດແຫ້ງທົ່ວເບີກິດສູງກວ່າເວລາກວດນັບເທື່ອກ່ອນ >10% ກັບສວນຢາງເກັບກູ້ກຸ່ມ II (ມີແຕ່ກິດປາກຂວ້າມ)

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 64: Các giải pháp sử dụng kích thích để tăng sản lượng mủ hiện nay?

- Dùng hóa chất có chứa hoạt chất *ethephon* bôi lên cây cao su.
- Cho cây cao su hấp thụ trực tiếp khí *ethylene*.
- Dùng tia laser kích thích lên cây cao su
- Chỉ có câu a và b là đúng.

64. ການນຳໃຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງເພື່ອເພີ່ມນ້ຳຢາງໃນປະຈຸບັນມີທັງແນວ

- ໃຊ້ສານກະຕຸ້ນທີ່ມີ ສານ *ethephon* ທາໃສ່ກົກ
- ໃຫ້ກົກຢາງໄດ້ຮັບເຄມີ *ethylene* ໂດຍກົງ
- ໃຊ້ ຍິງ laser ເລັ່ງໃສ່ກົກໂດຍກົງ

ງ. ຂໍ້ ກ ແລະ ຂໍ້ ຂ ແມ່ນຖືກ

Câu hỏi 65: Hoạt chất ethephon có làm ảnh hưởng đến chất lượng gỗ cao su?

- Còn đang nghiên cứu, chưa có khuyến cáo trong sản xuất gỗ cao su.
- Ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng gỗ cao su về màu sắc.
- Chỉ bị giảm chất lượng gỗ khi sử dụng liên tục lâu dài.
- Không có ảnh hưởng đến chất lượng gỗ cao su.

65. ທາດເຄມີ *ethephon* ມີຜົນກະທົບຕໍ່ຄຸນນະພາບຂອງໄມ້ຢາງບໍ່

- ກ. ຍັງຢູ່ໃນຊ່ວງສຶກສາຄົ້ນຄ້ວາ, ຍັງບໍ່ທັນມີການຕໍານິໃນການປຸງແຕ່ງໄມ້
- ຂ. ຜົນກະທົບຢ່າງໜັກເຖິງຄຸນນະພາບສີຂອງໄມ້
- ຄ. ພຽງແຕ່ລົດຜ່ອນຄຸນນະພາບຂອງໄມ້ ຫາກໄຊ້ສານເຄມີເປັນເວລາຍາວນານ
- ງ. ບໍ່ມີຜົນກະທົບຕໍ່ຄຸນນະພາບໄມ້

Câu hỏi 66: Yêu cầu về an toàn lao động (ATLĐ) khi sử dụng chất kích thích mủ trên vườn cây cao su?

- a. Tránh để chất kích thích mủ tiếp xúc với da và mắt.
- b. Khi bôi chất kích thích cho miệng cạo úp, phải mang kính phòng hộ.
- b. Tuyệt đối không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang bôi chất kích thích mủ.
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

66. ການໃຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງໃຫ້ມີຄວາມປອດໄພແຮງງານຕ້ອງເຮັດແນວໃດ

- ກ. ຫຼີກລ້ຽງໃຫ້ນ້ຳຢາງຖືກຜົວໜັງແລະຕາ
- ຂ. ເວລາທາສານເລັ່ງໃຫ້ແກ່ປາກກົດຂ້າມຕ້ອງໃສ່ແວ່ນຕາກັນ
- ຄ. ບໍ່ຄວນກິນ, ດື່ມ. ສຸບຢາ ໃນເວລາທາສານເລັ່ງ
- ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 67: Xử lý sơ cứu khi bị thuốc kích thích mủ dính vào da và rơi vào mắt khi đang thao tác bôi thuốc trên vườn cây?

- a. Chất kích thích mủ dính vào da phải rửa ngay bằng xà phòng và nước ấm.
- b. Chất kích thích mủ dính vào mắt phải rửa mắt ngay nhiều lần bằng nước sạch.
- c. Cần đưa ngay đến cơ sở y tế gần nhất để sơ cứu trong trường hợp có triệu chứng dị ứng hoặc tổn thương nhiều đến mắt hoặc vùng da bị dính.
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

67. ການປະຖິມພະຍາບານເບື້ອງຕົ້ນໃນເວລາທີ່ຖືກສານເລັ່ງເຂົ້າຕາ, ຖືກຜົວໜັງແລະຕ້ອງເຮັດແນວໃດ

- ກ. ສານເລັ່ງຢາງຖືກຜົວໜັງຕ້ອງລ້າງດ້ວຍນ້ຳອຸ່ນສະອາດແລະສະບູທັນທີ
- ຂ. ສານເລັ່ງຢາງຖືກຕາຕ້ອງລ້າງຕາທັນທີຫຼາຍເທື່ອດ້ວຍນ້ຳສະອາດ
- ຄ. ຕ້ອງສົ່ງໂຮງໝໍທີ່ຢູ່ໄກ້ເພື່ອພະຍາບານເບື້ອງຕົ້ນ ແກ້ໄຂໃຫ້ທັນສະພາບ
- ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 68: Yêu cầu bảo quản thuốc kích thích mủ khi chưa sử dụng?

- a. Giữ trong mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tuân thủ hạn sử dụng ghi trên bao bì.
- b. Để nơi bảo quản riêng, kín đáo an toàn, nhiệt độ từ 20 – 30°C

- c. Để ngoài phạm vi tiếp xúc với trẻ em.
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

68. ການເກັບຮັກສາສານເລັ່ງນ້ຳຢາງແນວໃດ

- ກ. ໄວ້ບ່ອນທີ່ຫິມເຢັນ, ຫຼີກລ້ຽງແສງແດດໂດຍກົງ ໄຊ້ຕາມຄຳແນະນຳຕາມສະຫຼາກ
- ຂ. ໄວ້ບ່ອນເກັບມີງຸນພິເສດ, ປອດໄພ, ໃນອຸນນະພູມ ແຕ່ 20-30ອົງສາ
- ຄ. ຫ່າງຈາກມືເດັກນ້ອຍ
- ງ. ຖືກທັງສາມຂໍ້

Câu hỏi 69: Khi phát hiện cây bị khô mặt cạo (KMC), người công nhân cạo mủ sẽ xử lý như thế nào?

- a. Đánh dấu và báo với Tổ/Đội trưởng, cán bộ kỹ thuật để có biện pháp xử lý.
- b. Phải ngưng cạo và kiểm tra vùng khô mủ để cạo cách ly hoặc chuyển mặt cạo.
- c. Bôi thuốc kích thích và tăng cường phân bón, rồi tiếp tục cạo.
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

69. ເມື່ອພົບເຫັນກົກທີ່ຖືກປາກກົດແຫ້ງ, ກຳມະກອນກົດຢາງຕ້ອງເຮັດແນວໃດ

- ກ. ໝາຍແລະລາຍງານໃຫ້ຫົວໜ້າຈຸ, ພະນັກງານຕີກນິກ ເພື່ອມີຮູບການແກ້ໄຂ
- ຂ. ຕ້ອງຢຸດກົດ, ກວດກາບໍລິເວນແຫ້ງແລ້ວກົດບ່ອນອື່ນ
- ຄ. ສືບຕໍ່ທາສານເລັ່ງ ແລະ ໃສ່ຝຸ່ນແລະ ສືບຕໍ່ກົດ
- ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 70: Bệnh nào có cùng tác nhân gây bệnh với bệnh rụng lá mùa mưa?

- a. Bệnh héo đen đầu lá.
- b. Bệnh phấn trắng.
- c. Bệnh nấm hồng.
- d. Bệnh loét soc miêng cao.

70. ພະຍາດໃດທີ່ ມີສາຍເຫດດຽວກັນພະຍາດເຮັດໃຫ້ແກ່ໃບໄມ້ລົ້ນສວນທີ່ກົດຢາງຍາມຝົນ?

- ກ. ຮ່ຽວດຳປາຍໃບໄມ້
- ຂ. ເຫັດຂາວ
- ຄ. ເຊື້ອລາ
- ງ. ປາກກົດເປື້ອຍ

Câu hỏi 71: Yêu cầu “4 đúng” khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) có hiệu quả là gì?

- a. Đúng thuốc, đúng lúc, đúng cách, đúng nồng độ và liều lượng.
- b. Đúng thuốc, đúng liều, đúng giá, đúng quy định.
- c. Đúng đối tượng, đúng cách, đúng chỗ, đúng liều lượng và nồng độ.
- d. Đúng loại thuốc, đúng thời hạn, đúng cách, đúng liều lượng.

71. ລະບຽບ “4ຖືກ” ໃນເວລາໃຊ້ຢາປາບສັດຕູພືດໃຫ້ມີໝາກຜົນແນ່ນອນ

ກ. ໃຊ້ຖືກຢາ, ຖືກເວລາ, ຖືກວິທີ, ຖືກປະລິມານ ແລະ ບໍລິມາດ

ຂ. ໃຊ້ຖືກຢາ, ຖືກບໍລິມາດ, ຖືກລາຄາ, ຕາມກຳນົດ

ຄ. ໃຊ້ຖືກຄຸກລະນີ, ຖືກຈຸດ, ຖືກບ່ອນ, ຖືກຄວາມເຂັ້ມ ແລະ ບໍລິມາດ

ງ. ໃຊ້ຖືກປະເພດຢາ, ຖືກກຳນົດເວລາ, ຖືກວິທີ, ຖືກບໍລິມາດ

Câu hỏi 72: Để đảm bảo an toàn khi phun thuốc BVTV cần:

- a. Có trang bị đồ bảo hộ lao động; Không ăn uống và đặc biệt không hút thuốc lá khi đang phun thuốc.
- b. Kiểm tra bình phun, đảm bảo không rò rỉ thiết bị khi có áp lực áp lực không khí.
- c. Không được phun ngược chiều gió; Không để thuốc tiếp xúc với các bộ phận cơ thể người.
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

72. ເພື່ອຮັບປະກັນຄວາມປອດໄພໃນເວລາທີ່ຊີດຢາປາບສັດຕູພືດ

ກ. ໃສ່ຄີບຊຸດກຳມະກອນ, ບໍ່ກິນ, ດື່ມ ແລະ ບໍ່ສູບຢາໃນເວລາກຳລັງຊີດຢາ

ຂ. ກວດກາຖັງຊີດ, ຮັບປະກັນບໍ່ຮົ່ວ,

ຄ. ບໍ່ຊີດຕ້ານທົດຂອງລົມ, ບໍ່ໃຫ້ຢາງຖືກພາກສ່ວນໃດຂອງຮ່າງການ

ງ. ຖືກທັງ3ຂໍ້

Câu hỏi 73: Ký hiệu trên bao bì của thuốc có dải băng màu đỏ kèm các ký hiệu là biểu thị mức độ độc hại của thuốc ở mức nào?

- a. Rất độc và độc cao.
- b. Độc trung bình.
- c. Độc nhẹ.
- d. Rất ít độc.

73. ສັນຍາລັກຢູ່ເທິງຖົງຢາຂີດສີແດງຍາວແມ່ນໝາຍຄວາມວ່າມີຄວາມອັນຕະລາຍຊໍ້າໃດ

ກ. ສຸດອັນຕະລາຍ ແລະ ພິດສຸງ

ຂ. ປານກາງ

ຄ. ເປົາ

ງ. ນ້ອຍສຸດ

Câu hỏi 74: Thành phần nào trong thuốc BVTV có tác dụng chính đối với đối tượng phòng – trị?

a. Hoạt chất

b. Phụ gia.

c. Dung môi.

d. Cả 3 câu trên đều đúng.

74. ສ່ວນປະກອບໃດໃນຢາປາບສັດຕູພືດມີສ່ວນໃນການປ້ອງກັນສັດຕູພືດເປັນຫຼັກ

ກ. ຊະນິດທາດເຄມີ

ຂ. ທາດເສີມເຄມີ

ຄ. ທາດປະສົມລວມ

ງ. ຖືກທັງສາມຂໍ້

Câu hỏi 75: Bệnh *Botryodiplodia.sp* gây hại nặng cho bộ phận nào của cây cao su kinh doanh?

a. Hệ thống mạch mủ trong thân cây từ gốc đến điểm phân cành (chàng 3).

b. Thân và cành có vỏ hóa nâu.

c. Mặt cao.

d. Rễ cây.

75. ພະຍາດ *Botryodiplodia.sp* ມີຜົນກະທົບໜັກໃຫ້ພາກສ່ວນໃດຂອງກົກຢາງ

ກ. ລະບົບລຳລຽງຢາງແຕ່ເທິງຈົນຮອດລຳຕົ້ນແລະຮອດກົງງ່າ

ຂ. ລຳຕົ້ນ ແລະ ງ່າເປືອກເປັນສີເທົາ

ຄ. ປາກກິດ

ງ. ຮາກ

Câu hỏi 76: Phun thuốc trị bệnh *Botryodiplodia.sp* vào mùa nào để đạt hiệu quả kinh tế cao nhất?

a. Đầu mùa mưa.

b. Mùa khô.

c. Mùa cao su thay lá.

d. Quanh năm.

76. ຊິດກັນພະຍາດ Botryodiplodia ໃນຍາມໃດຈຶ່ງໄດ້ຮັບຜົນດີ

ກ. ຕົ້ນລະດູຝົນ

ຂ. ແລ້ງ

ຄ. ໃບໄມ້ປ່ຽບນໃບ

ງ. ຕະຫຼອດປີ

Câu hỏi 77: Vị trí phun phòng phần trắng trên vườn cao su kinh doanh để có hiệu quả cao?

a. Toàn bộ tán lá.

b. Tầng lá già.

c. Thân cây.

d. Quanh gốc cây.

77. ຈຸດທີ່ຈະຊີດເພື່ອຂ້າພະຍາດເຫັດຂາວໃຫ້ໄດ້ຜົນດີແມ່ນຈຸດໃດ

ກ. ຖິ່ນໃບໄມ້ເທິງກົກ

ຂ. ໃບແກ່

ຄ. ລ່າຕົ້ນ

ງ. ອອ້ມກົກ

Câu hỏi 78: Vị trí gây hại chủ yếu của nấm *Corynespora* trên cây cao su?

a. Lá.

b. Cuống lá.

c. Chồi.

d. Cả 03 câu trên đều đúng.

78. ຈຸດທີ່ມັກເກີດ ພະຍາດເຊື້ອເຫັດ *Corynespora* ແມ່ນຈຸດໃດ

ກ. ໃບ

ຂ. ກົ່ງໃບ

ຄ. ຍອດ

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Câu hỏi 79: Bệnh *Corynespora* thường xuất hiện, gây hại vào thời điểm nào?

a. Mùa mưa.

- b. Mùa khô.
- c. Mùa cao su thay lá.
- d. Quanh năm.

79. ພະຍາດ *Corynespora* ສ່ວນຫຼາຍແມ່ນມັກເກີດໃນຍາມໃດ

- ກ. ຍາມຝົນ
- ຂ. ຍາມແລ້ງ
- ຄ. ຍາມໃບໄມ້ປ່ຽນ
- ງ. ຕະຫຼອດປີ

Câu hỏi 80: Bệnh nào sau đây gây ảnh hưởng trực tiếp đến mặt cao?

- a. Bệnh loét sọc mặt cao.
- b. Bệnh khô mặt cao
- c. Bệnh nứt vỏ thân, khô miệng cao.
- d. Cả 03 câu trên đều đúng.

80. ພະຍາດໃດທີ່ສົ່ງຜົນກະທົບໃຫ້ປາກກິດ

- ກ. ປາກກິດເບື້ອຍ
- ຂ. ປາກຢາງແຫ້ງ
- ຄ. ພະຍາດ ເບືອກແຕກ, ປາກກິດແຫ້ງ.

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້
